

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thị Hoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hoa

Mã SV: 1513401043

Lớp: QTL901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty
TNHH Vũ Nhật Minh

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP QĐ 48/2006/BTC	2
1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền:.....	2
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm vốn bằng tiền:.....	2
1.1.1.1. Khái niệm về vốn bằng tiền:	2
1.1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền:	2
1.1.2 Sự cần thiết và vai trò của vốn bằng tiền:.....	2
1.1.3 Kết cấu của vốn bằng tiền:.....	3
1.1.4. Phân loại vốn bằng tiền:	3
1.1.5. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.	3
1.1.6. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.	4
1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp theo QĐ 48/2006/BTC ...	4
1.2.2. Những quy định phải tôn trọng khi hạch toán vốn bằng tiền.....	4
1.2.3. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:.....	5
1.2.3.1 Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp	5
1.2.3.2 Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền mặt tại quỹ:	7
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền mặt tại quỹ:.....	8
1.2.3.5. Kế toán tổng hợp tiền mặt tại quỹ:.....	10
1.2.4. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:	14
1.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:.....	14
1.2.4.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng :	16
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng:	16
1.2.4.4. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:	17
1.2.4.5. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:	17
1.2.5. Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp :.....	20
1.2.5.1. Nguyên tắc hạch toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp :	20
1.2.5.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển :	20
1.2.5.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển :.....	21

1.2.5.4. Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển trong doanh nghiệp :.....	21
1.3. Một số thay đổi về kế toán vốn bằng tiền theo TT 133/2016-BTC	22
1.4.Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	23
1.4.1 Hình thức nhật ký chung (NKC).....	23
1.4.2 Hình thức chứng từ ghi sổ	24
1.4.3 Hình thức nhật ký chứng từ.....	25
1.4.4.Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái :	26
CHƯƠNG 2:THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN (TNHH) VŨ NHẬT MINH..	
28	
2.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH Vũ Nhật Minh	28
2.1.1. Lịch sử hình thành công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	28
2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động	28
2.1.3. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy của công ty:.....	29
2.1.4.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH Vũ Nhật Minh:	31
2.1.4.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:	31
2.1.4.2 Hình thức ghi sổ và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty	32
2.2.Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	34
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ công ty TNHH Vũ Nhật Minh... 34	
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng tại công ty:	34
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng tại công ty:	35
2.2.1.3 Sổ sách sử dụng tại công ty:	35
2.2.1.4 Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty:	35
2.2.1.5 Ví dụ về kế toán tiền mặt tại quỹ công ty TNHH Vũ Nhật Minh	36
2.2.2.Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh	45
2.2.2.1.Chứng từ sử dụng tại công ty:	45
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại công ty:	45
2.2.2.3 Quy trình hạch toán tại công ty :	46
2.2.2.4 Ví dụ về kế toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh ...	46

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH	56
3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	56
3.1.1. Ưu điểm:	56
3.1.2 Hạn Chế.	58
3.2 Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh	58
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện:	58
3.2.2 Mục đích và yêu cầu hoàn thiện.....	59
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh.	59
3.2.3.1 Ý kiến thứ nhất: Công ty nên trả lương cho công nhân qua thẻ ATM:.....	59
3.2.3.2 Ý kiến thứ hai: Định kỳ, đột xuất kiểm kê quỹ tiền mặt.	60
3.2.3.3 Ý kiến thứ ba: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán.	62
KẾT LUẬN	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO	68

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Quy trình luân chuyển phiếu thu	8
Sơ đồ 1.2. Quy trình luân chuyển phiếu chi	8
Sơ đồ 1.3. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng đồng Việt Nam	11
Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng Ngoại tệ.....	12
Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng bạc, kim khí quý.....	13
Sơ đồ 1.6. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng (tiền Việt Nam).....	18
Sơ đồ 1.7. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ.....	19
Sơ đồ 1.8. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng bạc, kim khí quý.....	20
Sơ đồ 1.9. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền đang chuyển.	22
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật kí chung.	23
Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ. ...	24
Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật kí - Chứng từ.	25
Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký - Sổ cái. ...	26
Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Kế toán máy.	27
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ về tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Vũ Nhật Minh	30
Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	31
Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại	33
công ty TNHH Vũ Nhật Minh.....	33
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình hạch toán tiền mặt tại Công ty TNHH	36
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh.	46

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu số 2.1. Giấy đề nghị tạm ứng.....	37
Biểu số 2.2. Phiếu chi số 236.....	38
Biểu số 2.3. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0005842	39
Biểu số 2.4. Giấy đề nghị thanh toán	40
Biểu số 2.5. Phiếu thu số 148	41
Biểu số 2.6 :Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	42
Biểu số 2.7:Trích Sổ cái tiền mặt năm 2016.....	43
Biểu số 2.8: Trích sổ quỹ tiền mặt.....	44
Biểu số 2.9. Hóa đơn giá trị gia tăng số 00012348	47
Biểu số 2.10. Giấy báo Có số 366.....	48
Biểu số 2.11 : Giấy đề nghị rút tiền.....	50
Biểu số 2.12. Giấy báo nợ số 296.....	51
Biểu số 2.13. Phiếu thu số 158	52
Biểu số 2.14. Trích trang Sổ Nhật ký chung	53
Biểu số 2.15. Trích Sổ cái TK 112.....	54
Biểu số 2.16. Sổ phụ Ngân hàng.....	55
Biểu số 3.1. Bảng kiểm kê quỹ.....	61

Lời mở đầu

Vốn bằng tiền là một phần hết sức quan trọng trong doanh nghiệp. Vốn bằng tiền có sức thanh khoản cao nhất nó dễ dàng phục vụ cho các mục đích thanh toán tức thời trong quan hệ thanh toán. Vốn bằng tiền còn quyết định một phần sự tồn tại của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Công tác hạch toán vốn bằng tiền cho ta thấy được số vốn bằng tiền hiện có của doanh nghiệp, tình hình biến động tăng giảm các loại vốn bằng tiền của doanh nghiệp. Giúp cho nhà quản trị cũng như nhà quản lý của đơn vị dễ dàng đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn, có các biện pháp sử dụng vốn phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sử dụng vốn để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Xuất phát từ những nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn (TNHH) Vũ Nhật Minh, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài viết khoá luận tốt nghiệp là: “Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh”.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận bài khoá luận của em gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp theo QĐ 48/2006/BTC

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

Trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu và viết khoá luận, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính kế toán của công ty cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn ThS: Hòa Thị Thanh Hương. Tuy nhiên do kiến thức thực tế còn hạn chế, thời gian thực tập ngắn nên bài khoá luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các cán bộ phòng kế toán của công ty cũng như các thầy cô trong khoa để bài khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày 30 tháng 06 năm 2017

Sinh viên

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP QĐ 48/2006/BTC

1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền:

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm vốn bằng tiền:

1.1.1.1. Khái niệm về vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản lưu động, có tính thanh khoản cao. Vốn bằng tiền là bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ bao gồm: Tiền mặt (TK11), Tiền gửi ngân hàng (TK112) và Tiền đang chuyển (TK 113). Với tính linh hoạt cao nhất - Vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc thanh toán cho mua, bán hay trang trải chi phí hoạt động. Mỗi loại vốn bằng tiền được sử dụng vào mục đích khác nhau và có yêu cầu quản lý từng loại, nhằm quản lý chặt chẽ tình hình thu chi và đảm bảo an toàn cho từng loại, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích.

1.1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm các loại vật tư hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đồng thời vốn bằng tiền cũng là kết quả của việc mua, bán và thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ do vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao, nên nó là đối tượng của gian lận và sai sót. Vì vậy việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý thống nhất của Nhà nước.

1.1.2. Sự cần thiết và vai trò của vốn bằng tiền:

- ✓ Trong quá trình sản xuất kinh doanh Vốn bằng tiền của doanh nghiệp vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hay thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và nguyên nhân chính gây kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó Vốn bằng tiền đóng một vai trò hết sức quan trọng và to lớn trong việc đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh được liên tục và đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

- ✓ Đối với bất kì doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết phải cần một lượng Vốn bằng tiền nhất định. Nhờ có vốn bằng tiền mà doanh nghiệp mới mua sắm được các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh mới được tiến hành. Do đó doanh nghiệp cần phải quản lý vốn bằng tiền một cách thường xuyên và chặt chẽ.

1.1.3. Kết cấu của vốn bằng tiền:

Theo Quyết định 48/2006, vốn bằng tiền gồm:

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng
- Tiền đang chuyển

1.1.4. Phân loại vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền được phân chia thành:

- ✓ Tiền Việt Nam: là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc và đồng xu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- ✓ Ngoại tệ: là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam như: đồng Đô la Mỹ (USD), đồng tiền chung Châu Âu (EURO), đồng yên Nhật (JPY)...
- ✓ Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: là loại tiền thực chất, tuy nhiên loại tiền này không có khả năng thanh khoản cao. Nó được sử dụng chủ yếu vì mục đích cất trữ. Mục tiêu đảm bảo một lượng dự trữ an toàn trong nền kinh tế hơn là vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

1.1.5. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.

Công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của công tác kế toán trong doanh nghiệp, nó sẽ cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

Song song với việc tổ chức kế toán vốn bằng tiền, chúng ta cần phải chú trọng việc quản lý vốn bằng tiền một cách chặt chẽ thường xuyên kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền vì đây là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ

tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp, vốn bằng tiền là đối tượng có nhiều khả năng phát sinh nhiều rủi ro hơn các loại tài sản khác.

Việc quản lý vốn bằng tiền được sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như: Thống kê, phân tích hoạt động kinh tế... Trong đó công tác kế toán là công cụ quản lý quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục sự thay đổi của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị hiện vật. Kế toán cung cấp những tài liệu cần thiết về thu chi Vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.6. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

- ✓ Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- ✓ Giám đốc việc thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- ✓ Thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.

1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp theo QĐ 48/2006/BTC

1.2.1. Những nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền.

- ✓ Tôn trọng nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa hai nhiệm vụ giữ tiền lập chứng từ, ghi sổ kế toán tiền mặt.
- ✓ Ghi thu, chi tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng phải có chứng từ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hợp lý, hợp pháp.
- ✓ Chỉ dùng tiền mặt cho nghiệp vụ thu chi thường xuyên, tập trung quản lý tiền và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống Ngân hàng thương mại và kho bạc Nhà nước.
- ✓ Đối chiếu, điều chỉnh số dư tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng phải được thực hiện thường xuyên trong kỳ.

1.2.2. Những quy định phải tôn trọng khi hạch toán vốn bằng tiền.

- ✓ Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.
- ✓ Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào Ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình

quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ) để ghi sổ kế toán.

1.2.3. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt nhất định tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ liên quan tới thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

1.2.3.1 Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam :

Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, thực tế nhập, xuất, tồn quỹ. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ :

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ bằng đồng Việt Nam về nhập quỹ tiền mặt thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo trong những phương pháp phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, giá thực tế đích danh.

- Nguyên tắc xác định tỷ giá ngoại tệ :

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc sau:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả bằng ngoại tệ: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra Đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “ ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng kế toán).

- Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có TK tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ TK tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c. Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim khí quý :

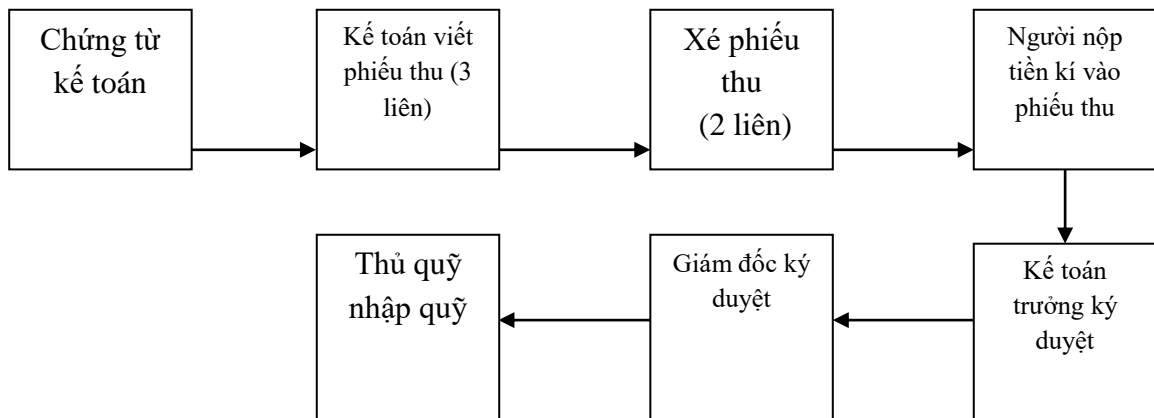
Vàng bạc, kim khí quý được phản ánh trong tài khoản này là vàng bạc được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng bạc được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng bạc phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2.3.2 Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền mặt tại quỹ:

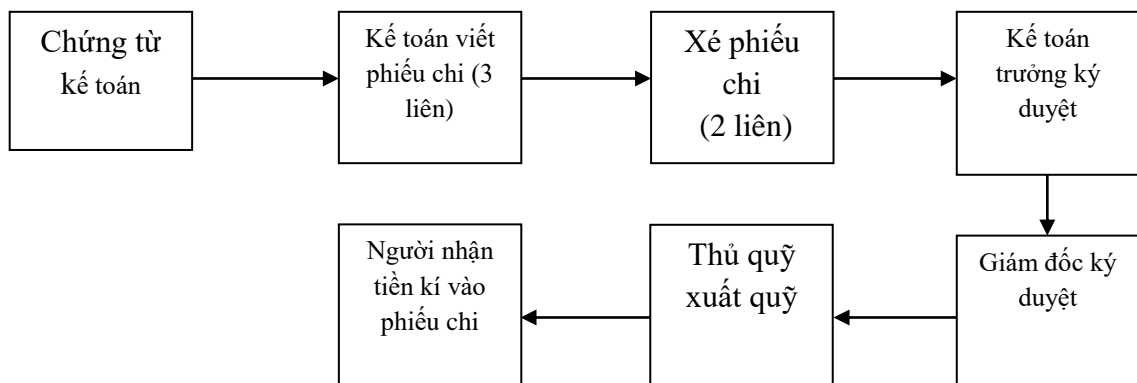
- ✓ Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (Hoặc người được ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu - chi.
- ✓ Phiếu thu (hoặc Phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên (Đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu quy định), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và kí tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (Riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị) một liên lưu lại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “ đã thu” hoặc “ đã chi” và ký vào Phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.
- ✓ Trường hợp Phiếu thu, Phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài cần phải được đóng dấu của đơn vị. Phiếu thu, Phiếu chi được đóng thành từng quyển dùng trong một năm. Trong mỗi Phiếu thu (Phiếu chi), số của từng Phiếu thu (Phiếu chi) phải được đánh liên tục trong một kỳ kế toán.
- ✓ Ngoài Phiếu thu và Phiếu chi là căn cứ để hạch toán vào TK111 còn cần có các chứng từ gốc liên quan khác kèm vào Phiếu thu, Phiếu chi như:

Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, Hóa đơn bán hàng, Biên lai thu tiền...

Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu thu (Sơ đồ 1.1), phiếu chi (Sơ đồ 1.2)



Sơ đồ 1.1. Quy trình luân chuyển phiếu thu



Sơ đồ 1.2. Quy trình luân chuyển phiếu chi

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền mặt tại quỹ:

TK 111 “Tiền mặt”: Phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi, tồn quỹ của các loại tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp. TK 111 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:

+Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

+Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

+Tài khoản 1113 – Vàng bạc, kim khí quý : Phản ánh tình hình biến đổi và giá trị vàng bạc, kim khí quý tại quỹ của doanh nghiệp.

-Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 - Tiền mặt :

Số dư đầu kỳ bên nợ: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý còn tồn quỹ tiền mặt.

Phát sinh bên nợ:

-Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý nhập quỹ.
-Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

-Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

-Chênh lệch đánh giá lại vàng bạc, kim khí quý tăng tại thời điểm báo cáo.

Phát sinh bên có:

-Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý xuất quỹ.
-Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

-Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

-Chênh lệch đánh giá lại vàng bạc, kim khí quý giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư cuối kỳ bên nợ : Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý còn tồn quỹ tiền mặt.

1.2.3.4. Kế toán chi tiết tiền mặt tại quỹ:

- ✓ Kế toán tiền mặt sau khi nhận được Phiếu thu, Phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển tới phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt, tính ra số tồn quỹ vào cuối ngày.
- ✓ “Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07- DNN tương tự Sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F “Tài khoản đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có TK111- Tiền mặt

Đơn vị:.....

Mẫu số S05b-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản.....

Loại quỹ.....

Năm...

Đơn vị tính.....

Ngày, tháng ghi sổ	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				- Số tồn đầu kỳ					
				- Số phát sinh trong kỳ					
				- Cộng số phát sinh trong kỳ					
				- số tồn cuối kỳ					

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:.....

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

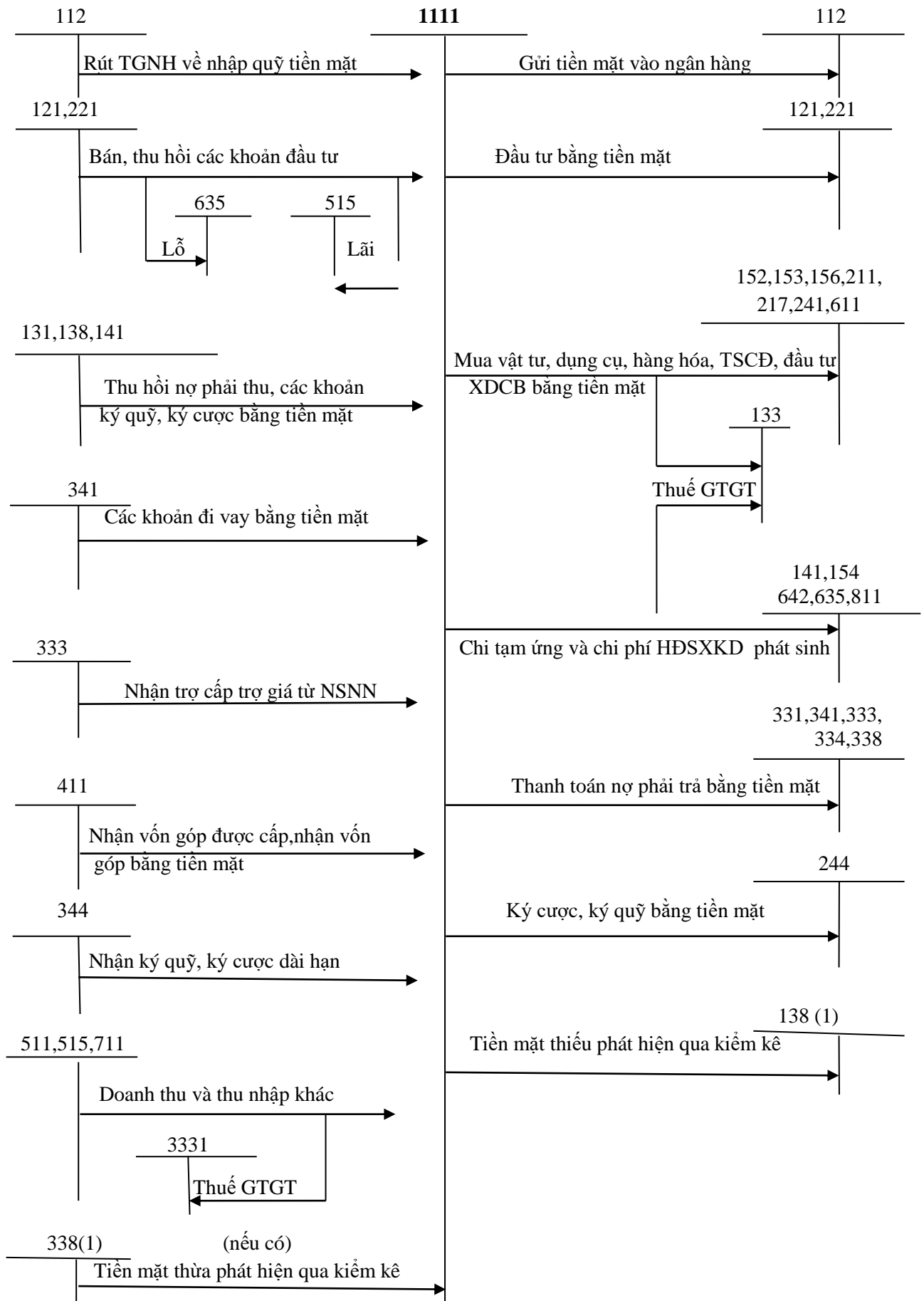
(Ký, họ tên, đóng dấu)

1.2.3.5. Kế toán tổng hợp tiền mặt tại quỹ:

a. Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam:

Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.3):

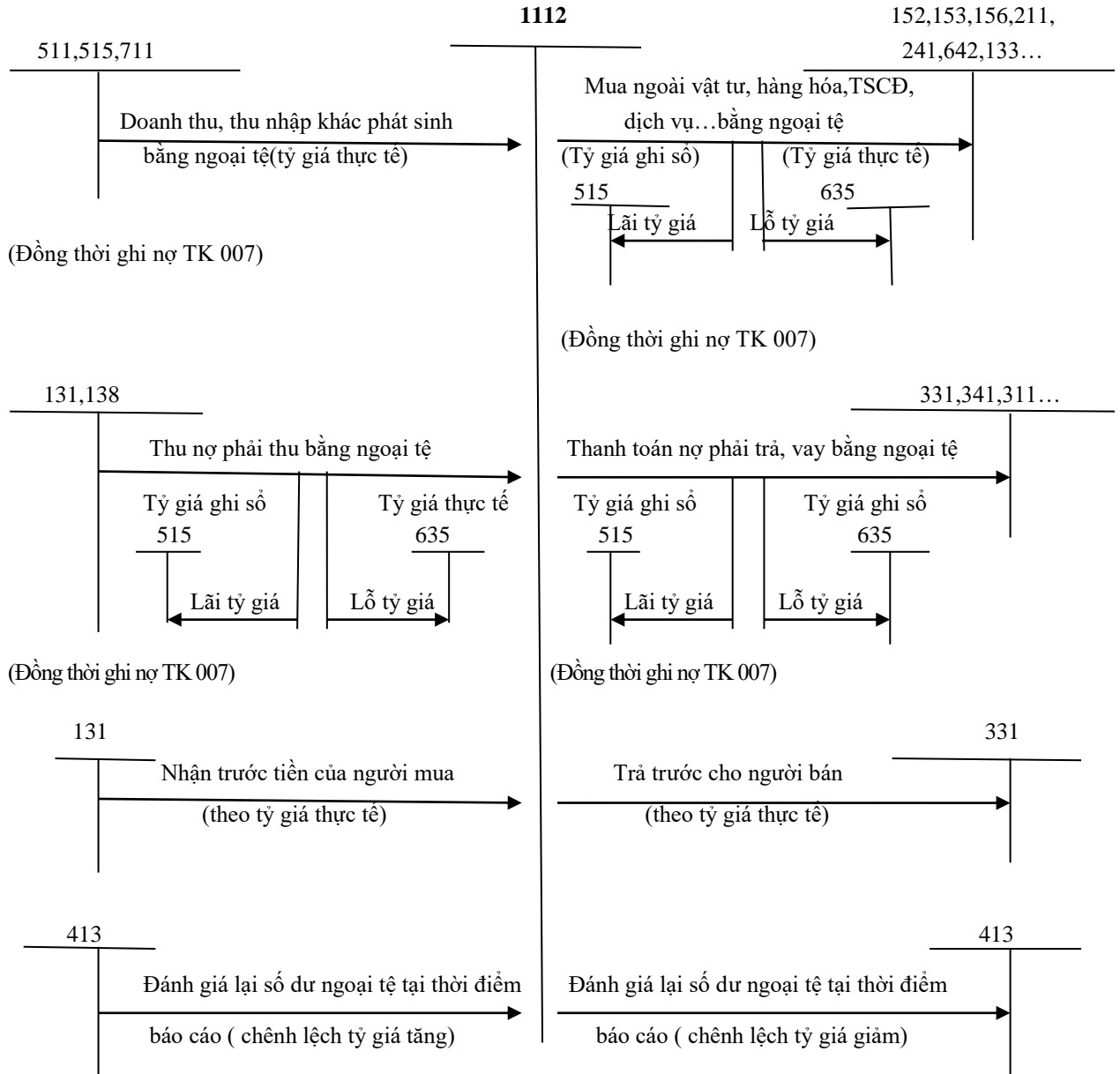
Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh



Sơ đồ 1.3. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng đồng Việt Nam

b. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng ngoại tệ:

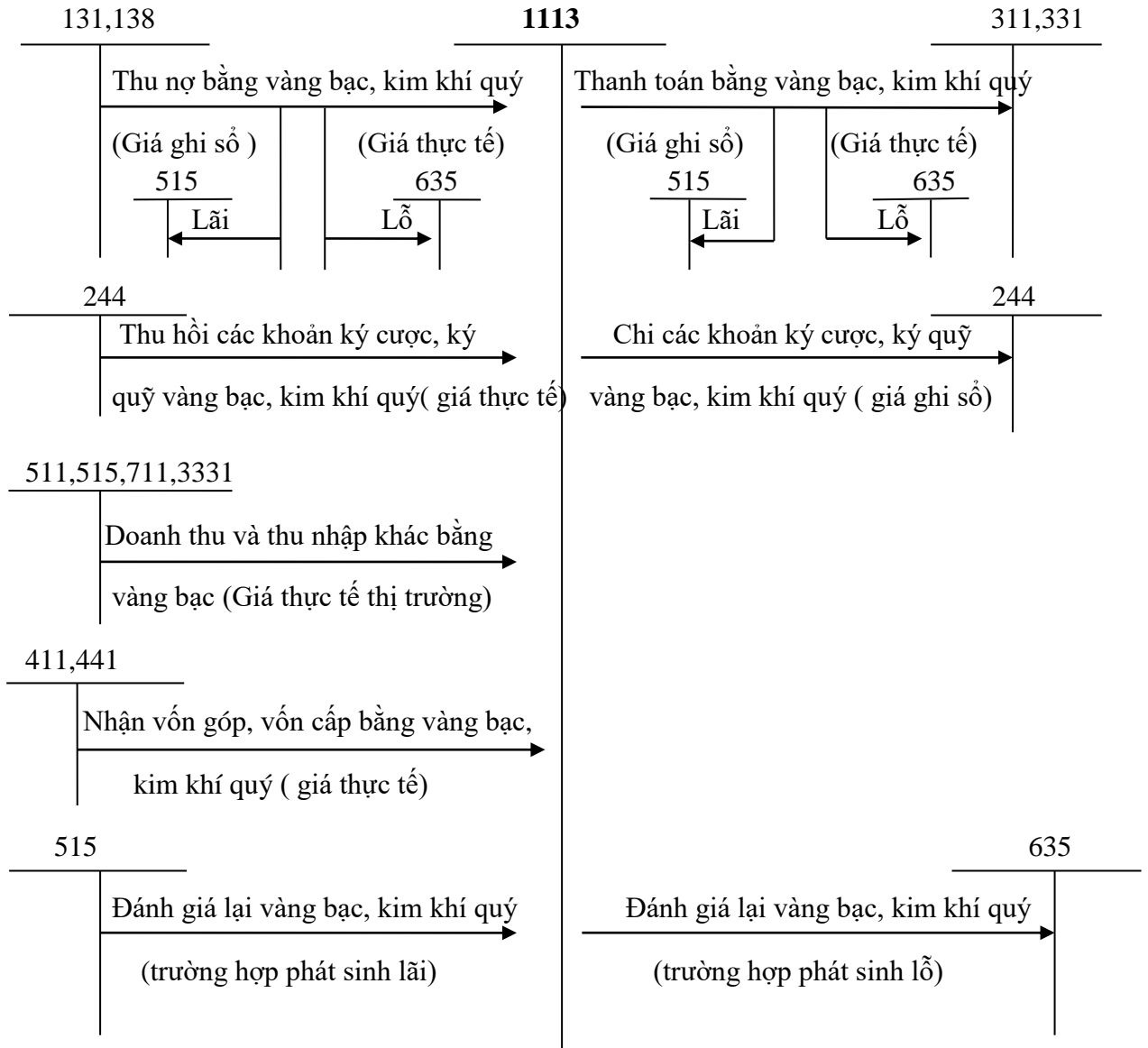
Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.4):



Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng Ngoại tệ

c. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng bạc, kim khí quý :

Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng vàng bạc, kim khí quý được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.5):



Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt bằng vàng bạc, kim khí quý

1.2.4. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào Tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, Séc bảo chi, Séc định mức, Séc chuyển tiền, thọ tín dụng. Doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

a. Đối với tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam:

Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi ngân hàng ở từng tài khoản ở ngân hàng để tiện việc thanh toán.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ :

Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân gia quyền di động trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua phải trả. Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ sách kế toán TK 1122 theo phương pháp: Bình quân gia quyền di động

Trong các giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan tới tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”(413).

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng vào TK 413.

c. Đối với tiền gửi ngân hàng là vàng bạc, kim khí quý :

Vàng bạc, kim khí quý được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng bạc, kim khí quý phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng :

- Giấy báo Nợ: Là thông báo của ngân hàng ghi giảm cho tài khoản tiền gửi.
- Giấy báo Có: Là thông báo của ngân hàng ghi tăng cho tài khoản tiền gửi.
- Bảng sao kê của ngân hàng: Là thông báo của ngân hàng về tiền gửi hàng ngày tại ngân hàng của doanh nghiệp.
- Ủy nhiệm chi: Là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.
- Ủy nhiệm thu: Là giấy ủy nhiệm đòi tiền do người thụ hưởng phát hành gửi vào ngân hàng nhờ thu hộ tiền từ người mua hàng hóa dịch vụ.

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền gửi ngân hàng:

TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”: Phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp. TK 112 bao gồm 3 loại tài khoản cấp 2:

- + TK 1121 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
 - + TK 1122 - Ngoại tệ : Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
 - + TK 1123 - Vàng bạc, kim khí quý: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng bạc của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng:

Số dư đầu kỳ bên nợ : Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý còn gửi tại Ngân hàng.

Phát sinh bên nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý gửi vào Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng bạc, kim khí quý tăng tại thời điểm báo cáo.

Phát sinh bên có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý rút ra từ Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng bạc, kim khí quý giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư cuối kỳ bên nợ: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc hiện còn gửi tại Ngân hàng.

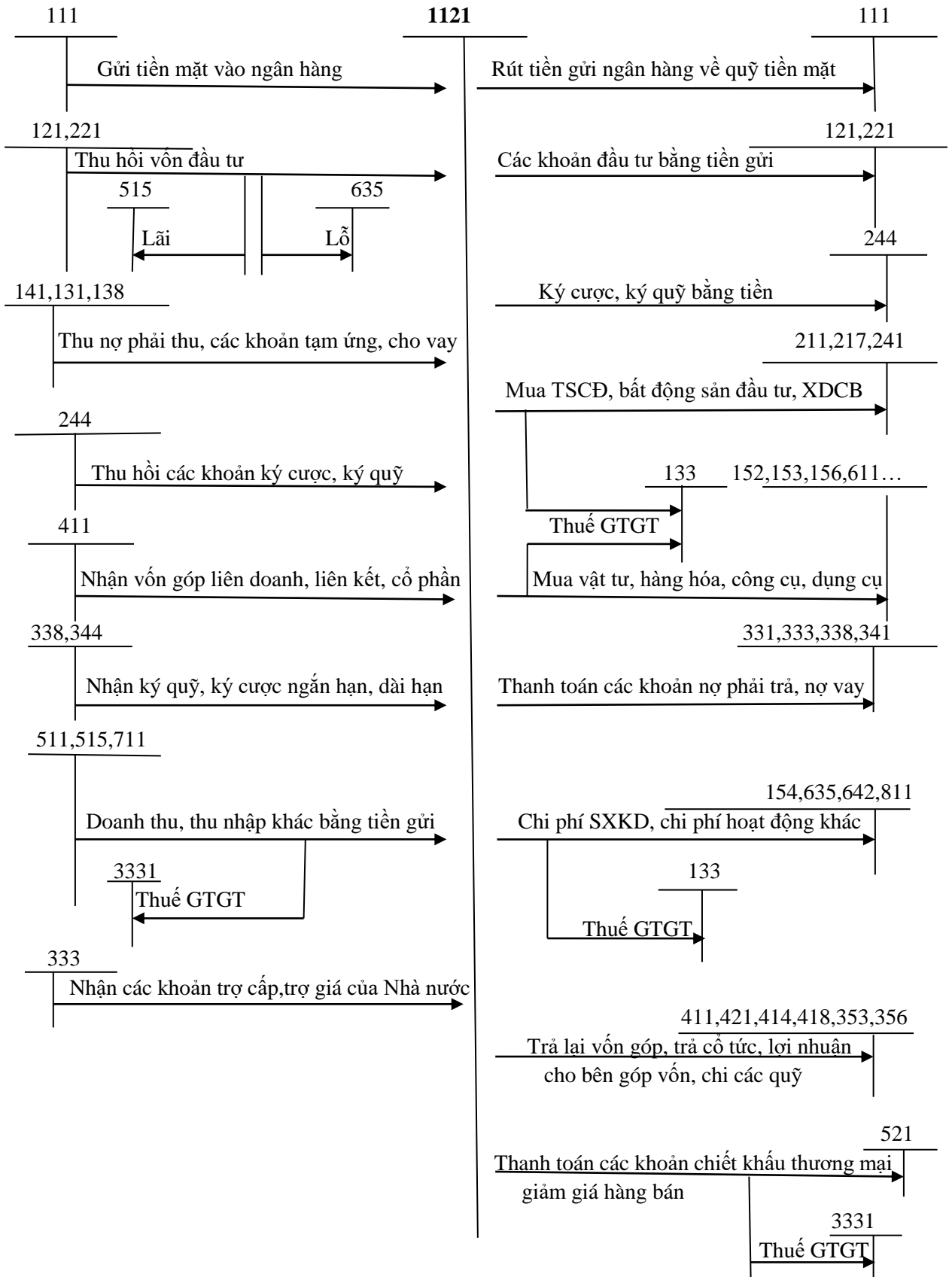
1.2.4.4. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

- ✓ Căn cứ để hạch toán trên TK112 “ Tiền gửi Ngân hàng là các Giấy báo có, Giấy báo nợ hoặc Bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, Séc chuyên khoản. Séc bảo chi,..).
- ✓ Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).
- ✓ Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

1.2.4.5. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp:

a. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam:

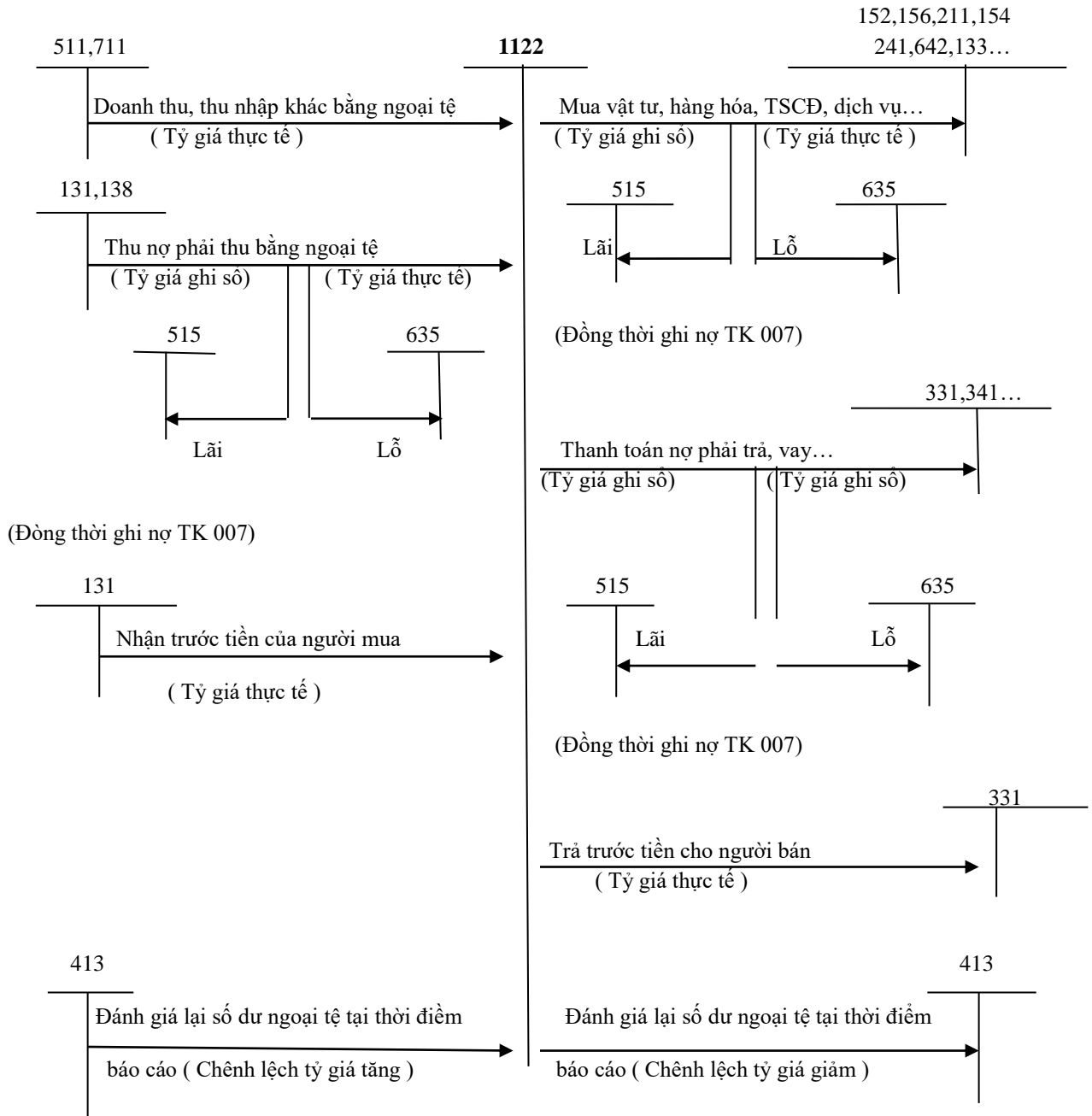
Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.6) :



Sơ đồ 1.6. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng (tiền Việt Nam)

b. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền ngoại tệ :

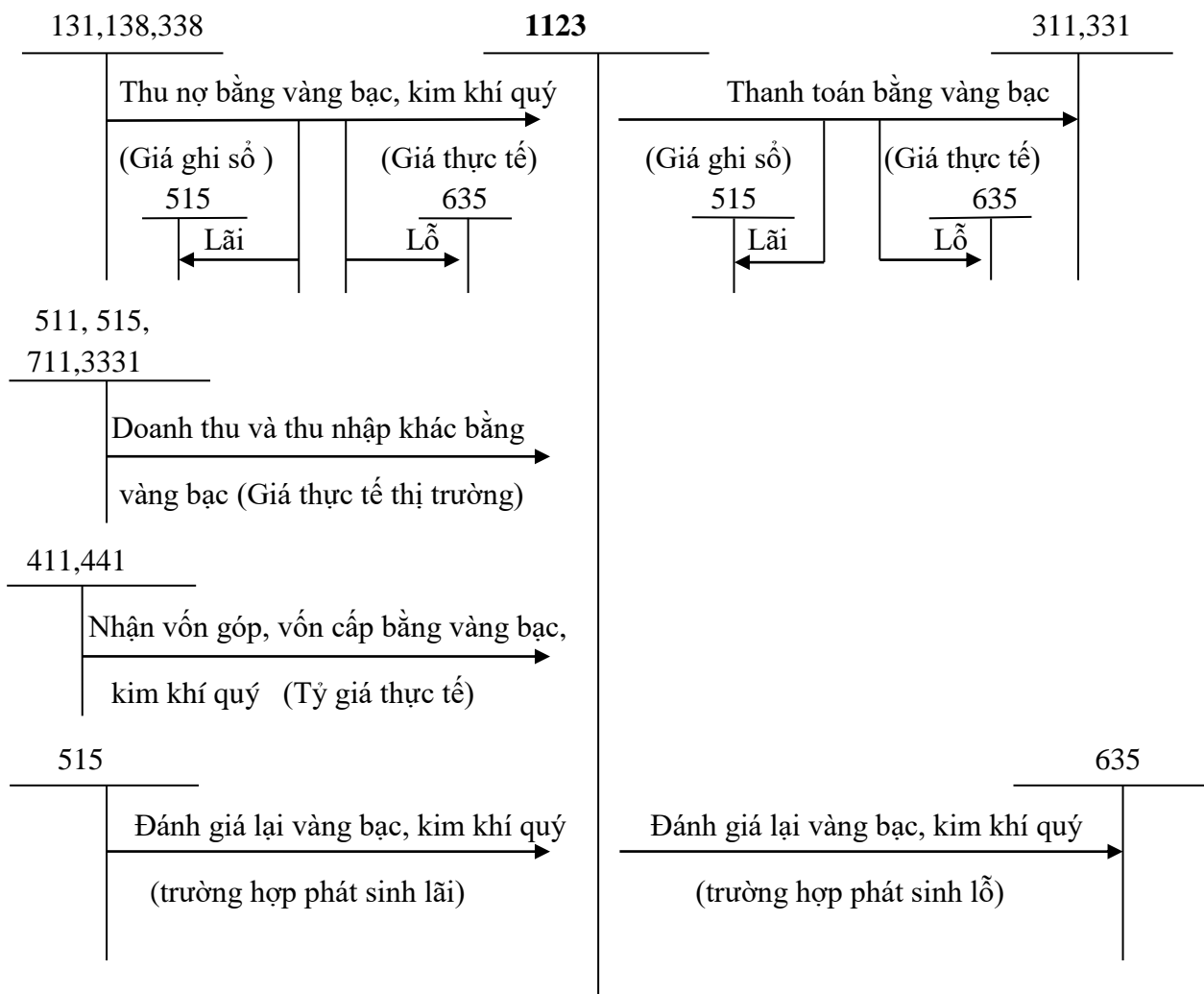
Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.7)



Sơ đồ 1.7. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ

c. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng bạc, kim khí quý, đá quý :

Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng bạc, kim khí quý được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.8):



Sơ đồ 1.8. Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng vàng bạc, kim khí quý

1.2.5. Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp :

1.2.5.1. Nguyên tắc hạch toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp :

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi qua bưu điện để chuyển qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bảng sao kê của Ngân hàng.

1.2.5.2. Chứng từ sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển :

- + Giấy nộp tiền.
- + Biên lai thu tiền.
- + Phiếu chuyển tiền.
- + Một số chứng từ khác liên quan.

1.2.5.3. Tài khoản sử dụng trong kế toán tiền đang chuyển :

- TK 113 “Tiền đang chuyển”: Bao gồm 2 loại tài khoản cấp 2:
 - + TK 1131- “ Tiền Việt Nam”: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
 - + TK 1132 - “Ngoại tệ”: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113 -Tiền đang chuyển :

Số dư đầu kỳ : Khoản tiền đang còn chuyển đầu kỳ.

Phát sinh bên nợ:

-Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.

-Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Phát sinh bên có:

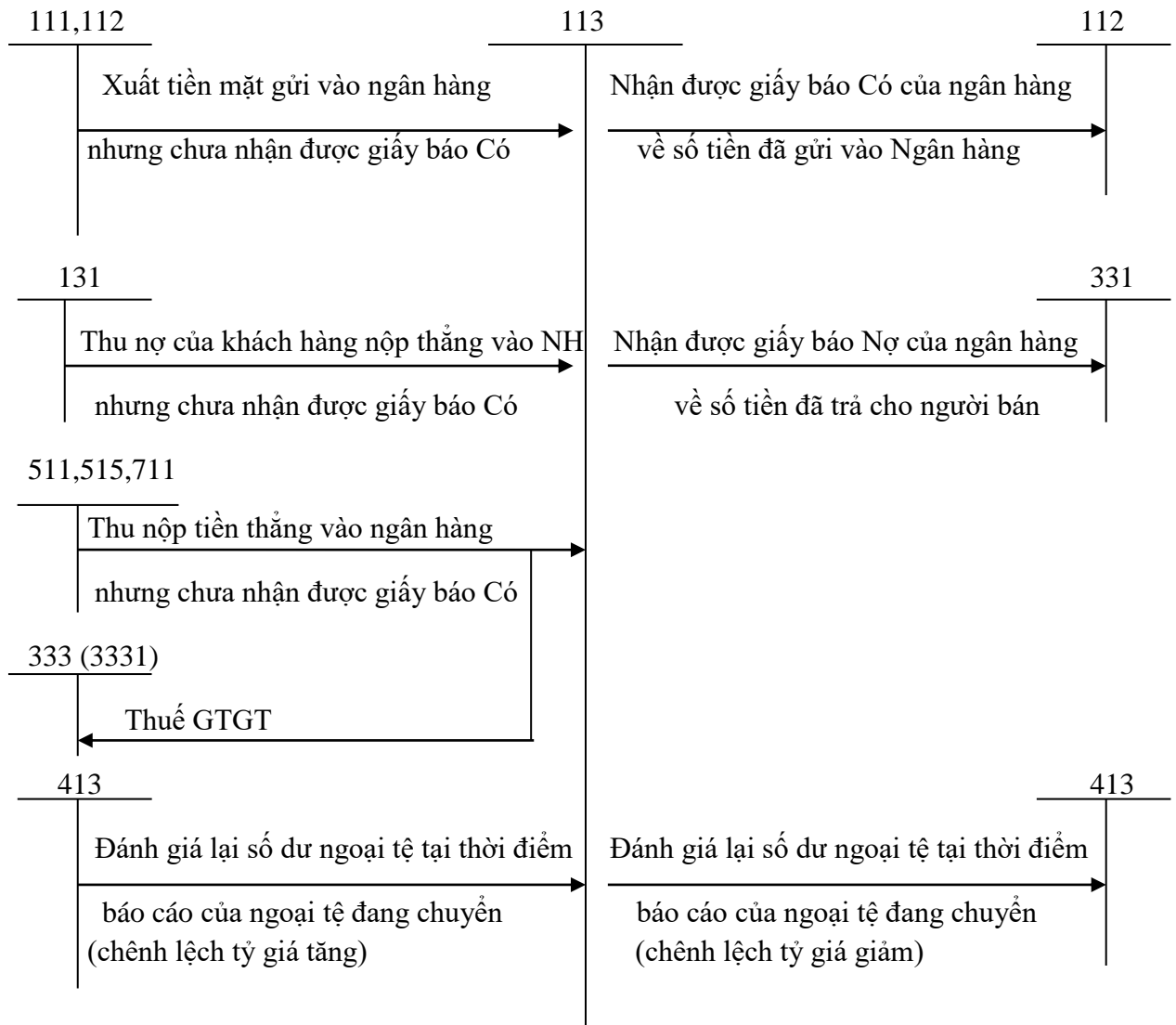
-Số kết chuyển vào TK 112 - “ Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan.

-Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư cuối kỳ bên nợ: Khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ.

1.2.5.4. Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển trong doanh nghiệp :

Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.9)



Sơ đồ 1.9. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền đang chuyển.

1.3. Một số thay đổi về kế toán vốn bằng tiền theo TT 133/2016-BTC

- ✓ Về chứng từ và sổ kế toán: Theo TT 133/2016/BTC thì doanh nghiệp được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán phù hợp với quy định.
- ✓ Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản: Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản, chỉ quy định nguyên tắc kế toán. Doanh nghiệp tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ miễn sao BCTC đúng. Doanh nghiệp tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí theo Chế độ quy định. Doanh nghiệp được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra. Doanh nghiệp được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ doanh nghiệp là

nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu. Doanh nghiệp được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống...

- ✓ Về tài khoản thì TT 133/2016/BTC không có TK 1113,1123 – Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

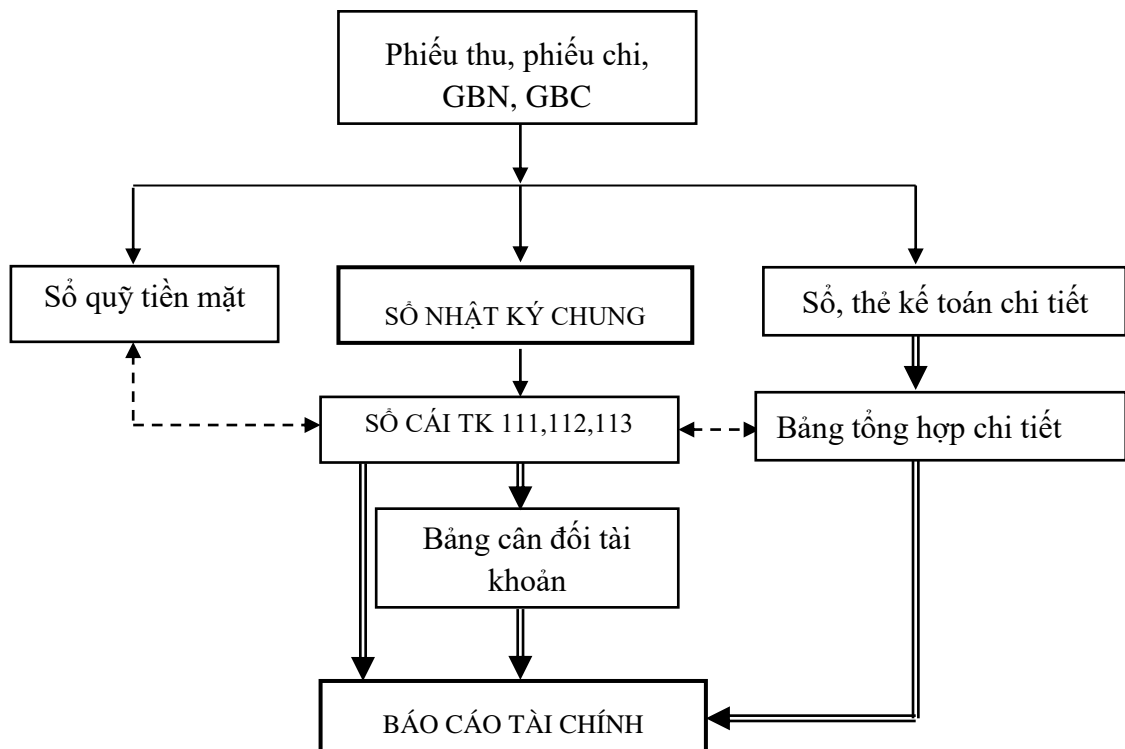
1.4.Hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Để đáp ứng yêu cầu công tác kế toán tài chính cũng như việc phục vụ cho kế toán quản trị, mỗi doanh nghiệp đều phải nghiên cứu, thiết kế sổ kế toán, thiết kế sổ kế toán chi tiết sao cho phù hợp với đặc điểm, tình hình quản lý của doanh nghiệp.

Theo chế độ kế toán hiện hành có những hình thức kế toán tổng hợp như sau:

1.4.1 Hình thức nhật ký chung (NKC)

Theo hình thức này thì tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trong đó trọng tâm là sổ nhật ký chung (NKC) theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ phát sinh đó. Sau đó lấy số liệu từ NKC ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Ghi chú:

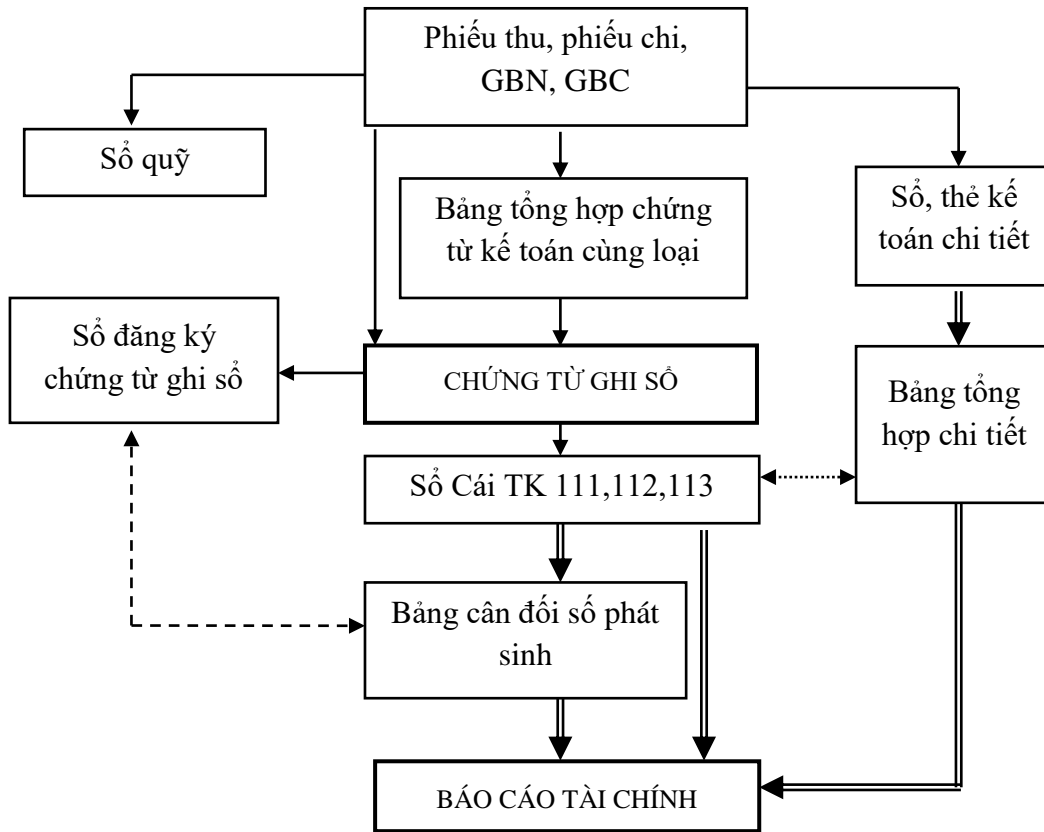
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

Sơ đồ 1.10.Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung.

1.4.2 Hình thức chứng từ ghi sổ

Chứng từ ghi sổ được lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

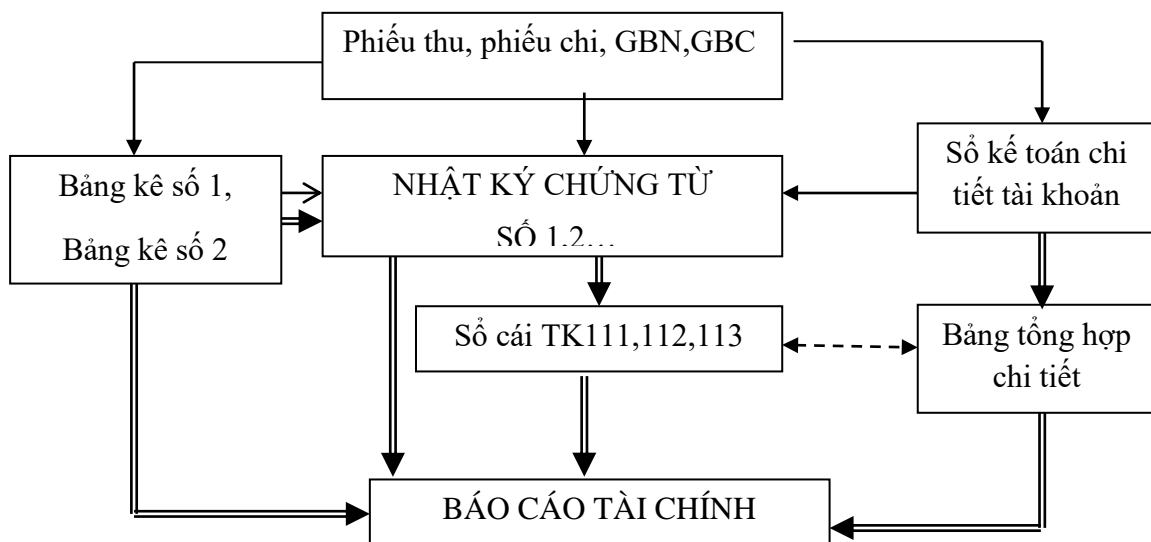
Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức

Chứng từ ghi sổ.

1.4.3 Hình thức nhật ký chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

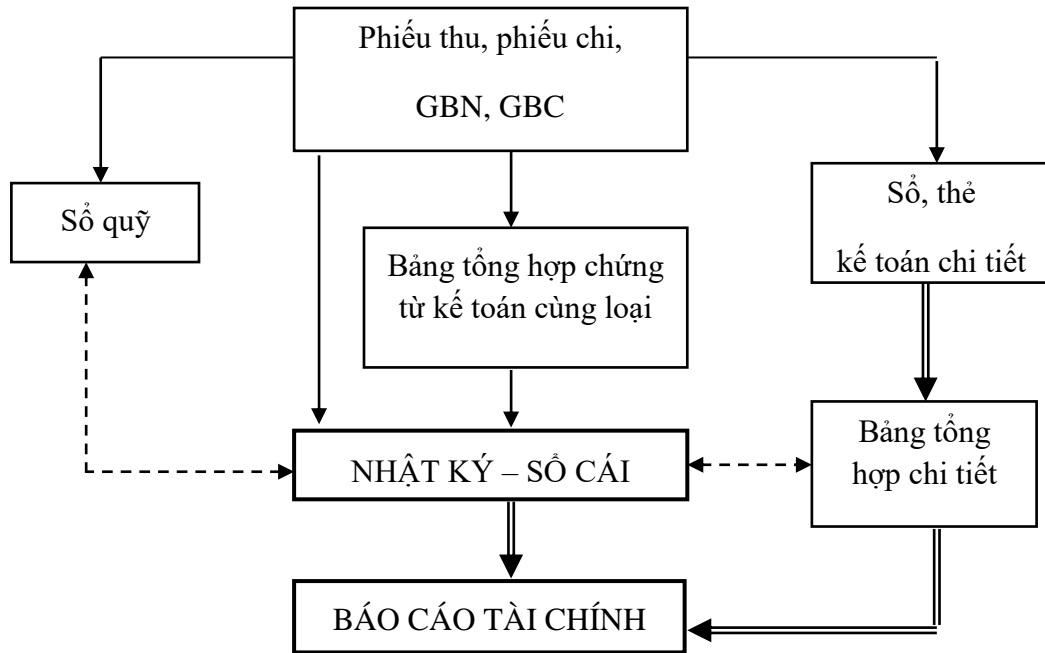
Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức

Nhật kí - Chứng từ.

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái :

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.



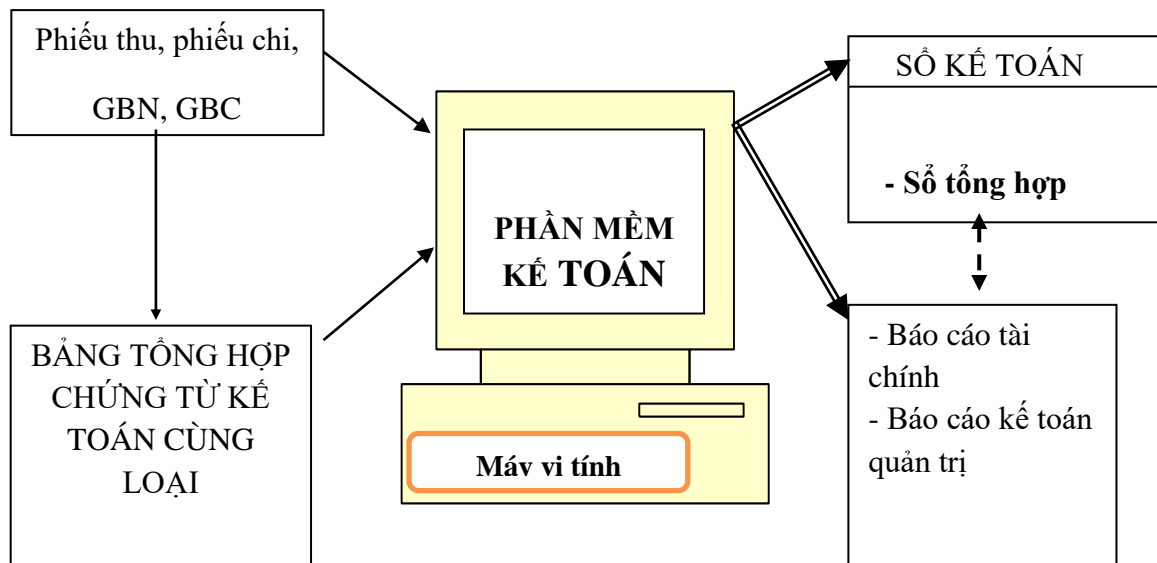
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra $\longleftarrow \text{-----}$

Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính :

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức

Kế toán máy.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH Vũ Nhật Minh

2.1.1. Lịch sử hình thành công ty TNHH Vũ Nhật Minh

- ✓ Tên doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh
- ✓ Địa chỉ: số 21b/9/33 Kỳ Đồng, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
Giấy ĐKKD và MST: 0201642014
- ✓ Số điện thoại: 0313 530966
- ✓ Đăng kí kinh doanh : ngày 23/07/2015.
- ✓ Vốn điều lệ : 5.000.000.000 đồng

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh có giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201642014 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trong suốt quá trình kinh doanh, Công ty luôn có những tầm nhìn và chiến lược thích ứng với từng thời kỳ, từng giai đoạn kinh doanh. nhìn nhận ra những nhu cầu của thị trường, luôn cập nhật những thông tin mới nhất, những sản phẩm mới nhất, chất lượng nhất đảm bảo mọi nhu cầu của các khách hàng và đảm bảo mọi công trình đều giao đúng hạn - đúng tiến độ thi công và chất lượng công trình đạt chất lượng cao nhất. Chính vì vậy trong 2 năm qua, doanh số của công ty tăng nhanh cùng tốc độ tăng trưởng của thị trường.

Hiện nay ngành nghề chính của công ty là xây dựng công trình dân dụng nên công ty TNHH Vũ Nhật Minh quyết tâm trở thành một đối tác thương mại - một nhà cung cấp công trình đáng tin cậy và mang phong cách hiện đại, chuyên nghiệp trong tương lai gần.

Trong dài hạn, dựa trên những thành công và kết quả vững chắc trong kinh doanh, Công ty sẽ mở rộng thị trường phát triển đa dạng hóa công trình và mong muốn trở thành nhà cung ứng công trình dân dụng hàng đầu của thành phố.

2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

* *Thuận lợi:*

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc tốt.

- Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp
- Cơ sở vật chất tốt như: được trang bị máy móc, trang thiết bị tân tiến nhất hiện nay, đảm bảo an toàn trong lao động.
- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán.
- Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh. Công tác điều tra và nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Cung cấp các sản phẩm, công trình đảm bảo chất lượng với giá cả cạnh tranh nhất. Doanh thu, lợi nhuận tăng đều.

* *Khó khăn:*

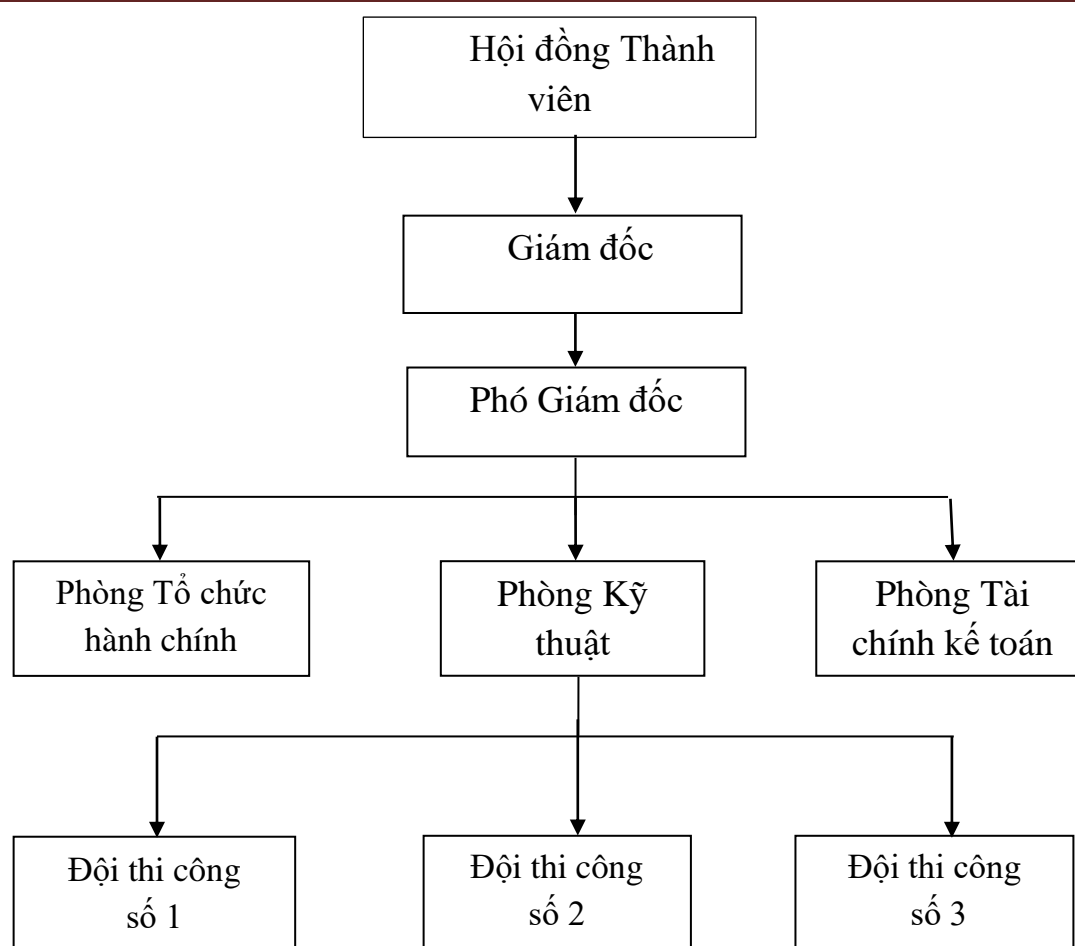
- Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều vướng mắc trong kỹ thuật.
- Đối thủ cạnh tranh nhiều trên thị trường.
- Vốn điều lệ của công ty còn ít.

Với những khó khăn hiện nay của nền kinh tế đối với doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế, lạm phát ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, với những chiến lược kinh doanh thông minh, linh hoạt, biết nắm bắt xu hướng, tâm lý khách hàng doanh nghiệp đã nắm vững thị phần và không những vậy thị phần ngày một gia tăng.

2.1.3. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy của công ty:

Tổ chức bộ máy của công ty TNHH Vũ Nhật Minh theo mô hình trực tuyến chức năng (SĐ 2.1).

Công ty phân đấu tinh giảm bộ máy quản lý để đổi mới nâng cao trình độ quản lý, tăng hiệu xuất làm việc đạt tới mức độ cao nhất, đồng thời nâng cao tính tiếp thị của Công tác quản lý tại Công ty. Trình độ nghiệp vụ của các cán bộ quản lý ngày càng được nâng cao. Các phòng ban có chức năng dễ dàng về nhiệm vụ cụ thể do giám đốc công ty quy định và có mối quan hệ mật thiết với nhau trong việc lập và thực hiện kế hoạch sản xuất:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ về tổ chức bộ máy của Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

- **Hội đồng Thành viên:** Tổ chức chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên. Có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ công ty.

- **Giám đốc công ty :** là người chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về mọi mặt hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm thực hiện điều hành công ty theo luật Doanh nghiệp

- **Phó Giám đốc:** là người giúp việc cho giám đốc giải quyết các công việc mà giám đốc giao, chịu trách nhiệm trước giám đốc về công việc được giao kể cả ủy quyền khi giám đốc đi vắng, thường trực giải quyết các công việc được giao, duy trì giao ban theo lịch trình quy định, chịu trách nhiệm thực hiện theo luật doanh nghiệp.

- **Phòng Tổ chức hành chính:**

- Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ và bất thường của công ty khi Ban Giám đốc yêu cầu;

-Thực hiện công tác văn thư, bảo mật, bảo quản và sử dụng con dấu, lưu trữ tài liệu theo quy định.

- **Phòng Tài chính kế toán:**

- Phản ánh trung thực và tổng thể một bức tranh về hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh, các mặt của công ty để làm căn cứ cho Ban Giám đốc chỉ đạo đường lối phát triển.

- **Phòng Kỹ thuật:**

-Tìm kiếm công trình xây dựng, thiết kế, thi công công trình.

-Giám sát việc thực hiện thi công và chịu trách nhiệm từ khâu dự toán đến khi quyết toán công trình được duyệt.

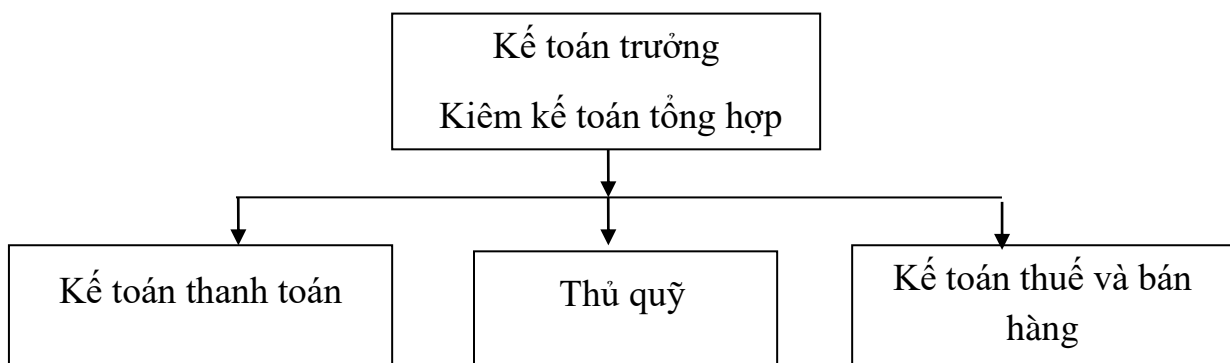
- **Đội Thi công:** Căn cứ theo các dự án của Công ty bố trí nhân lực phù hợp, thiết bị đảm bảo tiến độ cho công trình.

2.1.4.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH Vũ Nhật Minh:

2.1.4.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Phù hợp với quy mô của công ty bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung theo sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp công ty xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó công ty có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, đã có thời gian làm kế toán nên có kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.



Ghi chú: → Quan hệ chỉ đạo

Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

- **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:** Giám sát các hoạt động tài chính của công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc và cơ quan pháp luật về toàn bộ công việc kế toán của mình trong công ty. Có nhiệm vụ theo dõi chung, chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức phân công kiểm tra công việc của các nhân viên kế toán. Thực hiện các định khoản khoá sổ cuối kỳ. Kiểm tra số liệu của các bộ phận khác chuyển sang để phục vụ cho việc khoá sổ, lập báo cáo kế toán nội bộ có liên quan và kiểm tra các báo cáo nội bộ của các bộ phận khác chuyển đến. Lập bảng cân đối tài khoản, báo cáo tài chính, báo cáo các khoản thanh toán với thuế, BHXH, BHYT...(Hàng tháng, quý, năm..)

- **Kế toán thanh toán:** Ghi chép, phản ánh số liệu có và sự biến động của các khoản vốn bằng tiền, các khoản vay. Lập báo cáo nội bộ và theo dõi công nợ với khách hàng.

- **Thủ quỹ:** Nhận tiền theo Phiếu thu và chi tiền theo Phiếu chi. Có trách nhiệm quản lý tiền mặt thay cho Chủ tài khoản, tránh để thất thoát hay tiêu hụt tiền trong két.

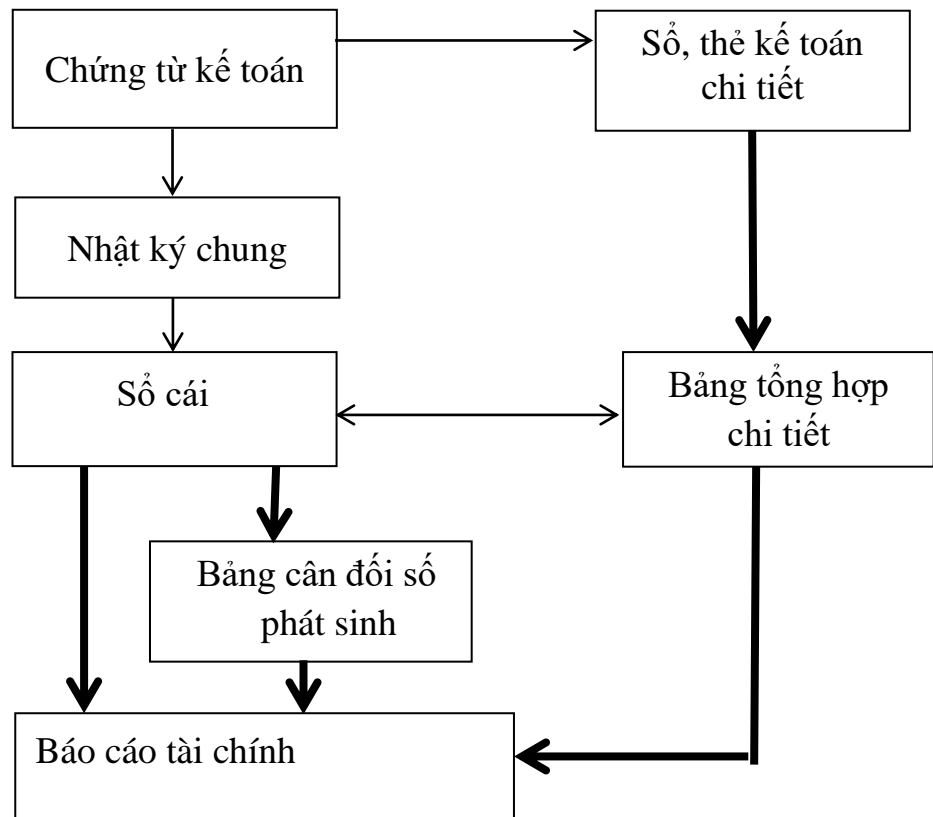
- **Kế toán thuế và bán hàng:** Hàng ngày viết phiếu thu, chi, uỷ nhiệm chi... theo dõi thu chi tiền mặt và thu chi tiền ngân hàng, báo cáo kịp thời số dư tài khoản mỗi khi chủ tài khoản yêu cầu. Hạch toán các nghiệp vụ, chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách.

2.1.4.2 Hình thức ghi sổ và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

a) Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung** theo sơ đồ 2.3

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi định kỳ →→
 Kiểm tra, đối chiếu ↔

-Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

-Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

-Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

b) Chế độ và các chính sách kế toán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh

- Chế độ kế toán áp dụng: theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Tiền Việt Nam (VNĐ)
- Kỳ kế toán: từ 01/01 đến 31/12.
- Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp hạch toán chi tiết hàng tồn kho: phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp trích khấu hao: theo đường thẳng.

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

Vốn bằng tiền tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh chỉ bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi Ngân hàng.

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh chỉ có tiền mặt là Đồng Việt Nam, không có ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng tại công ty:

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Hóa đơn GTGT
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT)

Cách lập phiếu thu, phiếu chi tại công ty:

✓ Phiếu thu do kế toán thuế và bán hàng lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung và ký tên vào Người lập phiếu, sau đó xé 2 liên giấy than, đưa cho người nộp tiền, người nộp tiền mang tiền và phiếu thu cho thủ quỹ. Thủ quỹ thu tiền, thủ quỹ ký tên, ghi nhận vào “Đã nhận đủ số tiền”, đồng thời Người nộp tiền ký vào phiếu thu và ghi rõ họ tên. Sau khi thủ quỹ thu tiền mới chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi nhận vào Sổ quỹ tiền mặt, 1 liên giao cho người nộp tiền. Cuối ngày, toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

✓ Phiếu chi do kế toán thuế và bán hàng lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu chi và ký tên người lập phiếu. Sau đó, xé 2 liên giấy than chuyển

cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền ghi số tiền thực nhận (bằng chữ) vào phiếu chi trước khi ký và ghi rõ họ tên. Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nhận tiền. Cuối ngày toàn bộ phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ.

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng tại công ty:

Công ty chỉ sử dụng TK 111 “Tiền mặt” – Tiền Việt Nam tại quỹ.

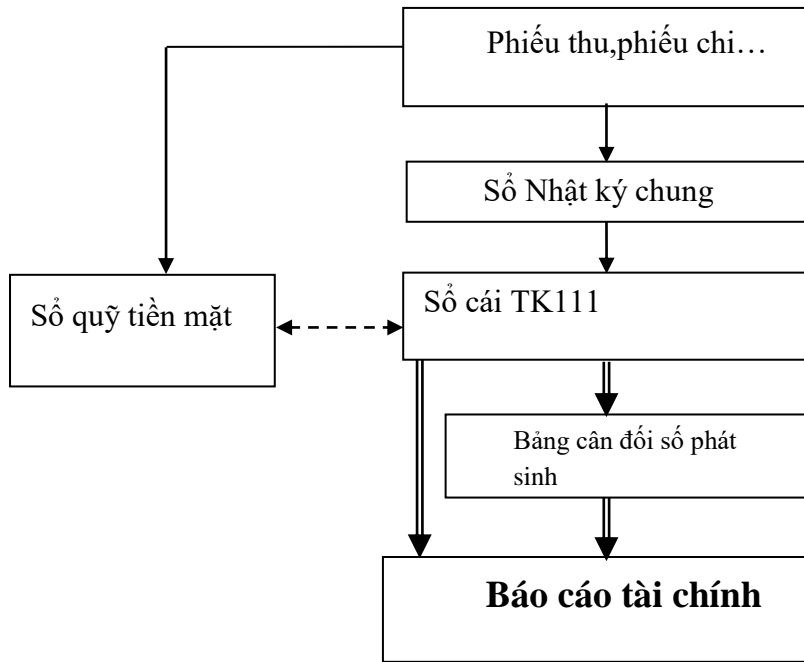
2.2.1.3 Sổ sách sử dụng tại công ty:

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK111

2.2.1.4 Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty:

Hàng ngày khi các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào các chứng từ để làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và Sổ quỹ tiền mặt; tiếp đó, căn cứ vào số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi chép vào Sổ cái TK111. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Sổ quỹ tiền mặt, kế toán sẽ tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Căn cứ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh lập nên Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán tiền mặt tại công ty theo sơ đồ 2.4



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, định kỳ ⇔
- Kiểm tra, đối chiếu ⇄

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình hạch toán tiền mặt tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

2.2.1.5 Ví dụ về kế toán tiền mặt tại quỹ công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Ví dụ 1: Ngày 10/10/2016, thu lại khoản tiền tạm ứng thừa cho anh Đào Xuân Đạt mua bảo hộ lao động, số tiền 7.710.000đ.

- Căn cứ vào Giấy đề nghị tạm ứng số 92 (Biểu số 2.1), kế toán viết phiếu chi số 236 (Biểu số 2.2) và Hóa đơn GTGT số 0005842 (Biểu số 2.3)
- Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (Biểu số 2.4), kế toán viết phiếu thu số 148 (Biểu số 2.5).
- Căn cứ vào phiếu thu, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.8).
- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK111 (Biểu số 2.9).
- Từ phiếu thu số 148, thủ quỹ phản ánh vào Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.10).

Biểu số 2.1. Giấy đề nghị tạm ứng

Đơn vị: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh

Mẫu số: 03 – TT

Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 6 tháng 10 năm 2016

Số 92

Kính gửi: Giám đốc công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh

Tên tôi làĐào Xuân Đạt.....

Địa chỉ:.....Phòng Kỹ thuật.....

Đề nghị cho tạm ứng số tiền:....12.000.000.....(Viết bằng chữ).. Mười hai triệu đồng chẵn.

Lý do tạm ứng:.....Tạm ứng mua đồ bảo hộ lao động.....

Thời hạn thanh toán:...10/10/2016.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phụ trách bộ phận

**Người đề
nghị tạm ứng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.2. Phiếu chi số 236

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 06 tháng 10 năm 2016

Quyển số: 07

Số: 236

Nợ:141.....

Có:111...

Họ và tên người nhận tiền:Đào Xuân Đạt.....

Địa chỉ:Phòng Kỹ thuật.....

Lý do chi:Tạm ứng mua đồ bảo hộ lao động.....

Số tiền:12.000.000..... (viết bằng chữ): Mười hai triệu đồng chẵn.

Kèm theo:01.....chứng từ gốc.

Ngày 06 tháng 10 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người	Người
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	lập phiếu (Ký, họ tên)	nhận tiền (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ... Mười hai triệu đồng chẵn.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính - kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.3.Hóa đơn giá trị gia tăng số 0005842

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số : 01GTKT3/001		
Liên 2 : Giao người mua			Ký hiệu : AA/15P		
Ngày 06 tháng 10 năm 2016			Số 0005842		
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIÊN LONG Mã số thuế : 0309530059 Đại chỉ : Số 2b Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng Điện thoại : 031.3533386					
Họ tên người mua hàng : Đào Xuân Đạt Tên đơn vị : Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh Mã số thuế :0201642014 Đại chỉ : Số 21b/9/33 Kỳ Đồng - Hồng Bàng - Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đồ bảo hộ	Bộ	15	260.000	3.900.000
Cộng tiền hàng :					3.900.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT:			390.000
Tổng cộng tiền thanh toán					4.290.000
Số tiền viết bằng chữ : <i>Bốn triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.4. Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Mẫu số: 04 – TT

Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày 10 tháng 10 năm 2016

Số : 138

Nợ : 111

Có: 141

Họ tên người đề nghị thanh toán : Đào Xuân Đạt

Bộ phận (Hoặc địa chỉ): Phòng Kỹ thuật

Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây :

Diễn giải	Số tiền
A	1
I.Số tiền tạm ứng :	12.000.000
1.Số tạm ứng các kỳ trước chưa chi hết
2.Số tạm ứng kỳ này:	12.000.000
II.Số tiền đã chi	4.290.000
1.Chứng từ số 0005842 ngày 06/10/2016	4.290.000
III.Chênh lệch	7.710.000
1.Số tạm ứng chi không hết (I-II)	7.710.000
2.Chi quá số tạm ứng (II-I)

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Người đề nghị

thanh toán

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.5. Phiếu thu số 148

Đơn vị: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh
Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 10 năm 2016

Quyển số: ...05.....

Số: 148

Nợ:111....

Có:141.....

Họ và tên người nộp tiền: Đào Xuân Đạt.....

Địa chỉ:Phòng Kỹ thuật.....

Lý do nộp:Tiền thừa tạm ứng mua bảo hộ lao động..

Số tiền: 7.710.000 (Viết bằng chữ):...Bảy triệu bảy trăm mười ngàn đồng chẵn.

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc.

Ngày 10 tháng 10 năm 2015

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy triệu bảy trăm mười ngàn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.6 :Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Mẫu số S03a-DNN

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

(Ban hành theo QĐ 48/2006-QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng – Hồng Bàng – HP

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		456.387.343.231	456.387.343.231
.....
06/10	PC 236	06/10	Chi tiền tạm ứng mua bảo hộ lao động	141 111	12.000.000	12.000.000
...
10/10	Giấy thanh toán tạm ứng 138	10/10	Mua đồ bảo hộ đã thanh toán	154 1331 141	3.900.000 390.000	4.290.000
10/10	PT 148	10/10	Thu lại khoản tạm ứng thừa	111 141	7.710.000	7.710.000
.....
12/10	PT 150 GBN 289	12/10	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111 112	50.000.000	50.000.000
13/10	PC240 HĐ 0001504	13/10	Chi tiền mua văn phòng phẩm cho công ty	642 133 111	1.250.000 125.000	1.375.000
.....
21/10	PC 247	21/10	Thanh toán tiền cước vận chuyển hàng hóa theo HĐ00012345	6421 1331 111	780.000 78.000	858.000
.....
			Tổng cộng		509.455.989.312	509.455.989.312

-Sổ này có...trang, đánh số từ trang số 01 đến trang....

-Ngày mở sổ :.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.7: Trích Sổ cái tiền mặt năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH VŨ NHẬT MINH

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng –Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Đơn vị :VND

NT Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ T10		282.824.256	
...
06/10	PC236	06/10	Chi tiền tạm ứng mua bảo hộ lao động	141		12.000.000
...
10/10	PT 148	10/10	Thu lại khoản tiền tạm ứng thừa	141	7.710.000	
...
12/10	PT 150 GBN 556	12/10	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	112	50.000.000	
13/10	PC 240	13/10	Chi tiền mua văn phòng phẩm	642, 133		1.375.000
...
21/10	PC 247 HĐ 00012345	21/10	Thanh toán cước vận chuyển hàng	642, 133		858.000
...
			Cộng số phát sinh T10		1.356.897.000	1.529.242.930
			Số dư cuối kỳ T10		110.478.326	

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Biểu số 2.8: Trích sổ quỹ tiền mặt

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng – quận Hồng Bàng – HP

Mẫu số: S38-DNN

(Ban hành kèm theo QĐ

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: 1111

Loại quỹ: đồng

Kỳ: năm 2016

NTGS	NTCT	SHCT		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				Số tồn đầu kỳ T10			282.824.256
.....
06/10	06/10		PC 236	Chi tiền tạm ứng mua bảo hộ lao động		12.000.000	175.239.426
...
10/10	10/10	PT 148		Thu lại khoản tạm ứng thừa	7.710.000		173.679.006
.....
12/10	12/10	PT 150		Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	50.000.000		258.738.926
13/10	13/10		PC 240	Chi tiền mua văn phòng phẩm		1.375.000	257.363.926
...
21/10	21/10		PC 247	Thanh toán cước vận chuyển hàng		858.000	308.958.166
...
				Cộng phát sinh T10	1.356.897.000	1.529.242.930	
				Số tồn cuối kỳ T10			110.478.326

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh chỉ có tiền gửi ngân hàng là Việt Nam đồng, không có ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý.

Công ty TNHH Vũ Nhật Minh chỉ mở tài khoản tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Tam Bạc – Hải Phòng.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng tại công ty:

- Giấy báo nợ (GBN)
- Giấy báo có (GBC)
- Ủy nhiệm chi (UNC)

+Đối với giấy báo có, khi khách hàng thanh toán tiền hàng cho công ty qua tài khoản ngân hàng thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty nhận được tại tài khoản ngân hàng và ghi tăng số tiền trong tài khoản của công ty.

+Đối với giấy báo nợ, khi công ty thanh toán tiền hàng cho đơn vị khác qua tài khoản ngân hàng thì ngân hàng sẽ thông báo số tiền mà công ty bị trừ đi tại tài khoản ngân hàng và ghi giảm số tiền trong tài khoản của công ty.

+Đối với các nghiệp vụ thanh toán bằng UNC, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã kí kết giữa công ty và các bên có liên quan, kế toán trưởng lập UNC. UNC được lập thành 4 liên và được gửi đến ngân hàng nơi công ty mở TK tại đó, để yêu cầu trích 1 số tiền đã được ghi trong UNC thanh toán cho người thụ hưởng, sau đó ngân hàng gửi lại công ty 1 liên làm cơ sở ghi sổ.

+Cuối ngày, ngân hàng gửi sổ phụ đến công ty để thông báo về số dư TK. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

+Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của công ty với số liệu trên các chứng từ gốc của ngân hàng thì công ty phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lí kịp thời.

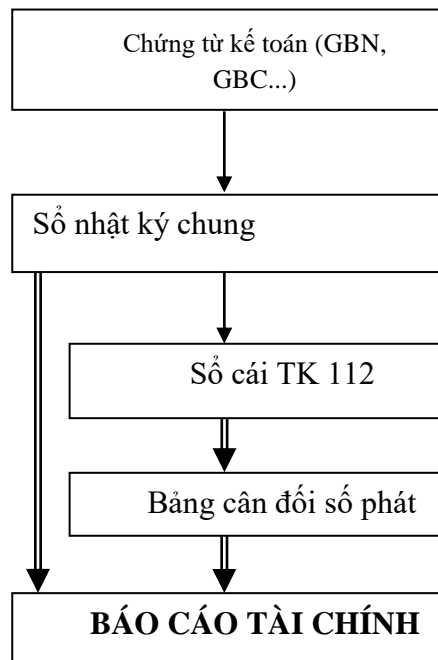
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại công ty:

Công ty sử dụng tài khoản 112 để phản ánh tình hình tiền gửi ngân hàng của công ty.

2.2.2.3 Sổ sách sử dụng tại công ty:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 112

2.2.2.3 Quy trình hạch toán tại công ty :



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Trình tự ghi sổ kế toán:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 112.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ cái sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ đó lập nên Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ về kế toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh

a) Ví dụ 2: Ngày 25/10/2016, Khách sạn Sen thanh toán hợp đồng cho công ty, số tiền 3.823.756.200 VNĐ.

-Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 00012348 (Biểu số 2.9), kế toán yêu cầu khách hàng thanh toán. Sau đó, khách hàng thanh toán cho công ty qua tài khoản ngân hàng.

-Ngân hàng sẽ lập Giấy báo có số 366 (Biểu số 2.10)

-Căn cứ vào Giấy báo có công ty ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14)

-Từ sổ Nhật ký chung công ty tiến hành ghi Sổ cái TK 112 (Biểu số 2.15)

Biểu số 2.9.Hóa đơn giá trị gia tăng số 00012348

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số : 01GTKT3/001		
Liên 3 : Nội bộ			Ký hiệu : AA/15P		
Ngày 25 tháng 10 năm 2016			Số 00012348		
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ NHẬT MINH					
Mã số thuế : 0201640214					
Đại chỉ : Số 21B/9/33 Kỳ Đồng - Hồng Bàng - Hải Phòng					
Điện thoại : 0313.530966					
Họ tên người mua hàng : Vũ Duy Phường					
Tên đơn vị : Khách sạn Sen					
Đại chỉ : Số 919 Thiên Lôi - Quận Lê Chân - Hải Phòng					
Mã số thuế : 0201654926					
Hình thức thanh toán : chuyển khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Giá trị khối lượng hoàn thành gói thầu: Khu phòng nghỉ và quầy cafe theo HĐ số 21/2016/ HĐXD-KSS				3.476.142.000
Cộng tiền hàng :					3.476.142.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT:			347.614.200
Tổng cộng tiền thanh toán					3.823.756.200
<i>Số tiền viết bằng chữ : Ba tỷ, tám trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.10. Giấy báo Có số 366



Số 366

CN Tam Bạc - HP

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 28/10/2016

Mã GDV : Bùi Thùy Linh

Mã KH : 56221

Số GD : 541

Kính gửi : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ NHẬT MINH

Mã số thuế : 0201640214

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi Có : 030027386888

Số tiền bằng số : 3.823.756.200

Số tiền bằng chữ : Ba tỷ, tám trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm đồng.

Nội dung : Khách sạn Sen thanh toán hợp đồng 21/2016/ HĐXD – KSS.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

b) Ví dụ 3 : Ngày 20/10/2016, công ty rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt tại công ty, số tiền 100.000.000 VNĐ.

-Căn cứ vào Giấy đề nghị rút tiền (Biểu số 2.11)

-Khi đó ngân hàng sẽ lập Giấy báo nợ số 296 (Biểu số 2.12)

-Căn cứ vào Phiếu thu số 158 (Biểu số 2.13) kế toán nhập tiền vào quỹ tiền mặt của công ty.

-Căn cứ vào Phiếu thu 158 và Giấy báo nợ số 296 công ty ghi sổ Nhật kí chung (Biểu số 2.14)

-Từ sổ Nhật kí chung công ty tiến hành ghi Sổ cái TK 112 (Biểu số 2.15).

Biểu số 2.11 : Giấy đề nghị rút tiền

GIẤY RÚT TIỀN MẶT		Số 00402
CASH WITHDRAWAL SLIP		Ngày 20/10/2016
MST : 0201640214		
Tên TK trích nợ : Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh		
Số TK trích nợ : 030027386888		
Số tiền bằng số : 100.000.000 đồng		
Số tiền bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn.		
Nội dung : Rút tiền mặt nhập quỹ		
Họ tên người lĩnh tiền : Nguyễn Ngọc Hà		
Số CMND : 031632589	Ngày cấp : 23/04/2008	Nơi cấp : Hải Phòng
Địa chỉ : Số 95/173 Hàng Kênh - Phường Hàng kênh - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng.		
Người lĩnh tiền	Kế toán trưởng	Chủ tài khoản

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.12. Giấy báo nợ số 296

Số 296



CN Tam Bạc - HP

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 20/10/2016

Mã GDV : Lê Thị Mai

Mã KH : 56221

SốGD : 541

Kính gửi : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ NHẬT MINH

Mã số thuế : 0201640214

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi Nợ : 030027386888

Số tiền bằng số : 100.000.000

Số tiền bằng chữ : Một trăm triệu đồng.

Nội dung : Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.13. Phiếu thu số 158

Đơn vị: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh

Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số: 01 – TT

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

Quyển số: ...05.....

Số: 158

Nợ:111....

Có:112.....

Họ và tên người nộp tiền:Nguyễn Ngọc Hà.....

Địa chỉ:Phòng kế toán.....

Lý do nộp:Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt...

Số tiền:100.000.000.....(Viết bằng chữ):.....Một trăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người nộp
tiền**

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một trăm triệu đồng chẵn.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.14. Trích trang Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh
Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng- Hồng Bàng –HP

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		456.387.343.231	456.387.343.231
...
13/10	PC 240 HĐ 0001504	13/10	Chi tiền mua văn phòng phẩm cho công ty	642	1.250.000	
				133	125.000	
				111		1.375.000
14/10	PC 241 GBC 352	14/10	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Sacombank	112	258.700.000	
				111		258.700.000
.....
20/10	PT 158 GBN 296	20/10	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111	100.000.000	
				112		100.000.000
21/10	PC 247	21/10	Thanh toán tiền cước vận chuyển hàng theo HĐ 00012345	6421	780.000	
				1331	78.000	
				111		858.000
.....
24/10	GBC 361	24/10	Công ty Công Thắng trả nợ	112	86.900.000	
				131		86.900.000
...
28/10	GBC 366 HĐ 00012348	28/10	Khách sạn Sen thanh toán hợp đồng.	112	3.823.756.200	
				511		3.476.142.000
				3331		347.614.200
.....
			Tổng cộng		509.455.989.312	509.455.989.312

-Số này có...trang, đánh số từ trang số 01 đến trang....

-Ngày mở sổ :.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.15.Trích Sổ cái TK 112.

Đơn vị: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh
Địa chỉ: Số 21b/9/33 Kỳ Đồng- Hồng Bàng –HP

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CÁI

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị :VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ T10		<u>822.905.872</u>	
.....
14/10	GBC 352 PC 241	14/10	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Sacombank	111	258.700.000	
....	
20/10	GBN 296 PT 158	20/10	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ tiền mặt	111		100.000.000
...
24/10	GBC 361	24/10	Công ty Công Thắng trả nợ	131	86.900.000	
.....
27/10	GBN 305 HĐ000158 82	27/10	Thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng HĐ 00015882	152, 1331		101.200.000
28/10	GBC 366 HĐ000123 48	28/10	Khách sạn Sen thanh toán hợp đồng	511, 3331	3.823.756.200	
...
			Cộng số phát sinh T10		4.265.789.521	4.765.985.752
			Số dư cuối kỳ T10		<u>322.709.641</u>	

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

Biểu số 2.16. Sổ phụ Ngân hàng



CN Tam Bạc-HP

Sổ phụ tài khoản/Statement

Tên khách hàng: **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn**

Vũ Nhật Minh

Địa chỉ: **21b/9/33 Kỳ Đồng-Hồng Bàng-HP**

Ngày in: từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/10/2016

Tài khoản: 030027386888

Tiền tệ: VND

Số dư đầu kỳ: 822.905.872

Tổng ghi nợ: 4.265.789.521

Tổng ghi có: 4.765.985.752

Số dư cuối kỳ: 322.709.641

Ngày tháng	Diễn giải	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư
.....
20/10/2016	Công ty rút tiền gửi về nhập quỹ		100.000.000	2.698.453.217
...
24/10/2016	Công ty Công Thắng trả nợ	86.900.000		3.754.092.217
...
27/10/2016	Công ty thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng		101.200.000	4.229.431.841
28/10/2016	Khách sạn Sen thanh toán hợp đồng	3.823.756.200		405.675.641

Nếu Quý khách có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với quầy Dịch vụ khách hàng.

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-kế toán công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VŨ NHẬT MINH

3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh

3.1.1. Ưu điểm:

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập tới nay, Công ty đã trải qua rất nhiều những khó khăn thử thách để tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm tồn tại đó Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cùng nhau từng bước tháo gỡ những khó khăn thử thách để dần khẳng định vị thế của Công ty. Kết quả đó không đơn thuần sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, trình độ làm việc của Công ty. Điều đó đã đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

- ✓ Công ty TNHH Vũ Nhật Minh đã xây dựng mô hình quản lý khoa học, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Bộ máy quản lý hoạt động có hiệu quả giúp cho Ban lãnh đạo công ty quản lý sản xuất kinh doanh dễ dàng hơn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Công ty đã ký kết được nhiều Hợp đồng kinh tế với đối tác, tạo được lòng tin với khách hàng. Điều đó chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- ✓ Công ty thường xuyên chú trọng đến công tác quản lý nhân sự, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân viên bằng cách cho họ theo học các lớp nghiệp vụ. Đặc biệt với đội ngũ nhân viên văn phòng, Công ty đã khuyến khích và tạo điều kiện cho họ đi học các lớp Đại học tại chức và Cao học. Bên cạnh đó công ty còn có những biện pháp khen thưởng, kỷ luật và động viên kịp thời tới cán bộ công nhân viên trong công ty nhằm tạo kỷ cương lao động trong Công ty.
- ✓ Về công tác kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là sự lựa chọn phù hợp với loại hình hoạt động cũng như quy mô của Công ty. Hình thức kế toán này hạn chế được số lượng sổ sách kế toán công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác.

- ✓ Bộ máy kế toán: Để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty đã được quan tâm chú trọng ở mức độ nhất định với các biện pháp quản lý kinh tế nói chung. Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kết hợp tập trung và phân tán đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo và bảo đảm sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt Công ty có đội ngũ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tiếp cận kịp thời và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo chế độ kế toán hiện hành, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.
- ✓ Các thủ tục chứng từ liên quan đến hạch toán vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán bán đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra. Tổ chức hệ thống BCTC và Báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo Công ty nắm bắt tình hình nhanh chóng.
- ✓ Về sổ sách kế toán: Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của Tiền mặt (TK 111), Tiền gửi Ngân hàng (TK112) như: Sổ quỹ tiền mặt; Sổ tiền gửi Ngân hàng; Sổ cái TK111, 112. Điều đó được thể hiện trong công việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.
- ✓ Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ Tài chính và công tác hạch toán vốn bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phần hành kế toán Công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.
- ✓ Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty nói chung và với phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp để nâng cao trình độ chuyên môn

ng nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết, đáp ứng kịp thời thay đổi của những chế độ kế toán hiện hành.

3.1.2 Hạn Chế.

Bên cạnh những ưu điểm trên, do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần phải được nghiên cứu để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện, cụ thể:

- ✓ Trong việc thanh toán lương cho công nhân của Công ty được thực hiện trả lương bằng tiền mặt, điều này ảnh hưởng đến vấn đề tiền mặt tại quỹ của công ty. Vì có một số người lao động của công ty phải đi làm công trình xa nên khi phát lương trực tiếp sẽ không nhận được ngay, thủ quỹ chưa phát được lương cho họ do đó thủ quỹ phải lưu ý quản lý số tiền lương chưa phát được.
- ✓ Công ty không định kỳ tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, do đó việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ quỹ và sổ cái TK 111 không làm thường xuyên. Điều đó ảnh hưởng đến việc quản lý tiền mặt của công ty chưa được chặt chẽ.
- ✓ Hiện nay Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chuyên biệt để phục vụ công tác kế toán nên công ty vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của công nghệ thông tin trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động trong phòng kế toán của công ty.

3.2 Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện:

Như chúng ta đã biết: Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì vấn đề sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp cần phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn bằng tiền tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ lệ lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

bằng tiền cần phát huy những điểm mạnh trong công tác kế toán tại công ty nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất.

3.2.2 Mục đích và yêu cầu hoàn thiện.

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán Vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

Với tư cách là một sinh viên được sự hướng dẫn của các thầy cô và sự chỉ bảo nhiệt tình của các anh chị trong công ty nhất là các anh chị trong phòng Kế toán. Em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến của mình nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Vũ Nhật Minh.

3.2.3.1 Ý kiến thứ nhất: Công ty nên trả lương cho công nhân qua thẻ ATM:

Xu thế chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán lương không dùng tiền mặt, công ty nên thanh toán qua hệ thống ngân hàng. Bởi hiện nay hệ thống Ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các Ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các Ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với nhiều dịch vụ và tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các Ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận lợi. Hơn nữa thanh toán qua ngân hàng đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán, giảm tải được công việc thu chi tiền mặt cho thủ quỹ. Và đối với người lao động làm những công trình ở xa thì họ được nhận lương luôn trong ngày sau khi công ty chuyển tiền qua thẻ ATM, việc này giúp cho tinh thần làm việc của họ phấn khởi, thoải mái hơn, hoàn thành công việc được giao tốt hơn và thủ quỹ không phải lưu ý, quản lý số lương chưa phát được của những người đi công trình xa.

3.2.3.2 Ý kiến thứ hai: Công ty nên định kỳ hoặc đột xuất kiểm kê quỹ tiền mặt.

Kế toán nên định kỳ tiến hành kiểm kê quỹ vào cuối tháng, cuối quý hoặc có thể là đột xuất theo yêu cầu quản lý hoặc khi bàn giao quỹ. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập Ban kiểm kê, trong đó Thủ quỹ và Kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ tất cả các Phiếu thu, Phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo cho giám đốc xem xét để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa lượng tiền tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ. Đồng thời, sau khi kiểm kê phải lập “Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt” làm minh chứng để ghi sổ kế toán số tiền chênh lệch và quy trách nhiệm vật chất nếu phát sinh chênh lệch.

Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt được lập theo mẫu sau (Biểu số 3.1):

Biểu số 3.1. Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt

Đơn vị:

Mẫu số 08a – TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vào... giờ...ngày...tháng..... năm .

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán
- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà:.....đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	X
II	Số kiểm kê thực tế:	X
1	Trong đó: - Loại
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II):	x

- Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Khi tiến hành kiểm kê quỹ Ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành hai bản:

- Một bản do thủ quỹ lưu
- Một bản do Kế toán tiền mặt hoặc Kế toán thanh toán lưu.

Chênh lệch trong kiểm kê sẽ được xử lý như sau:

❖ Trường hợp thiếu so với sổ quỹ trong kiểm kê:

- ✓ *Nếu chênh lệch thiếu tiền mặt và chưa xác định được nguyên nhân:*

Dựa vào biên bản kiểm kê kế toán điều chỉnh số liệu trên sổ sách về đúng với số liệu thực tế kiểm kê (điều chỉnh số liệu tiền mặt trên sổ sách giảm xuống bằng số liệu tiền mặt tồn thực tế tại quỹ), kế toán ghi sổ như sau:

Nợ TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 111 – Tiền mặt

- ✓ Khi xác định được nguyên nhân: Công ty xử lý như sau

Nợ TK 1388 - Phải thu khác (Phải thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt (Người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (nếu trừ vào tiền lương của người phạm lỗi)

Có TK 138 - Phải thu khác .

❖ Trường hợp thừa so với sổ quỹ trong kiểm kê

- ✓ *Nếu chênh lệch thừa tiền mặt và chưa xác định được nguyên nhân: kế toán ghi sổ như sau:*

Nợ TK 1111 – Tiền mặt

Có TK 3381 – Tài sản thừa chờ xử lý

- ✓ Khi xác định được nguyên nhân: Công ty xử lý như sau

Nợ TK 338 – Phải trả, phải nộp khác.

Có TK 711 – Thu nhập khác.

3.2.3.3 Ý kiến thứ ba: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán.

Trong khi trước đây nếu kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì tất cả các báo cáo tài chính có liên quan đều phải xem xét và lập lại từ đầu mà thời gian tiêu tốn cho có thể mất vài ngày có khi tới vài tuần để hoàn thành thì hiện nay với sự trợ giúp của các loại phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian bỏ ra vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Ngoài ra, công tác kế toán thủ công thông thường còn yêu cầu rất nhiều về vấn đề nhân sự làm kế toán. Mặt khác, phần mềm kế toán do được lập trình

tự động hóa hoàn toàn nên các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo được rút ngắn đi rất nhiều giúp công ty tiết kiệm tối đa hóa các khoản chi phí và cả về nhân sự lẫn thời gian.

Ngoài ra, tại Công ty TNHH Vũ Nhật Minh các phòng ban đều được trang bị đầy đủ máy vi tính đến từng công nhân viên của công ty, điều này là tiền đề thuận lợi để phát triển, áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán giúp giảm thiểu sai sót đến mức thấp nhất các sai sót có thể xảy ra, tiết kiệm thời gian và công sức cho công nhân viên. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều các phần mềm kế toán phù hợp với mô hình kinh doanh của công ty mà công ty có thể tham khảo như : MISA, Smart Pro...

***Phần mềm kế toán MISA:** đây hiện đang là phần mềm kế toán được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng hơn so với phần mềm kế toán cũ.

- Giao diện đẹp, đơn giản, dễ sử dụng, triển khai dễ dàng, nhanh chóng.
- Giá cả hợp lý giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí đầu tư.
 - Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhu cầu quản lý của đơn vị; Bổ sung phân hệ Thủ quỹ, Thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho.
 - Các dữ liệu tính toán trong MISA đảm bảo độ chính xác, phần trăm xảy ra sai sót tương đối thấp.
- Tính bảo mật rất cao.
- Dự báo dòng tiền trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập liệu nhanh gấp 3 lần.

Dưới đây là hình ảnh cho MISA.MSE.2015.



*** Phần mềm kế toán LinkQ.**

- Phần mềm kế toán LinkQ là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp trên Font chuẩn Unicode.

- Mô hình cấp dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ Tổng công ty – công ty thành viên chi nhánh.

- Tính linh động, dễ chỉnh sửa: Cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.

- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.

- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng 1 thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.

- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.

- Kết xuất dữ liệu ra bộ office dễ dàng, kết xuất trực tiếp qua HTTK, iHTKK, TaxOnline.

- Tích hợp trên nhiều hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win 7.

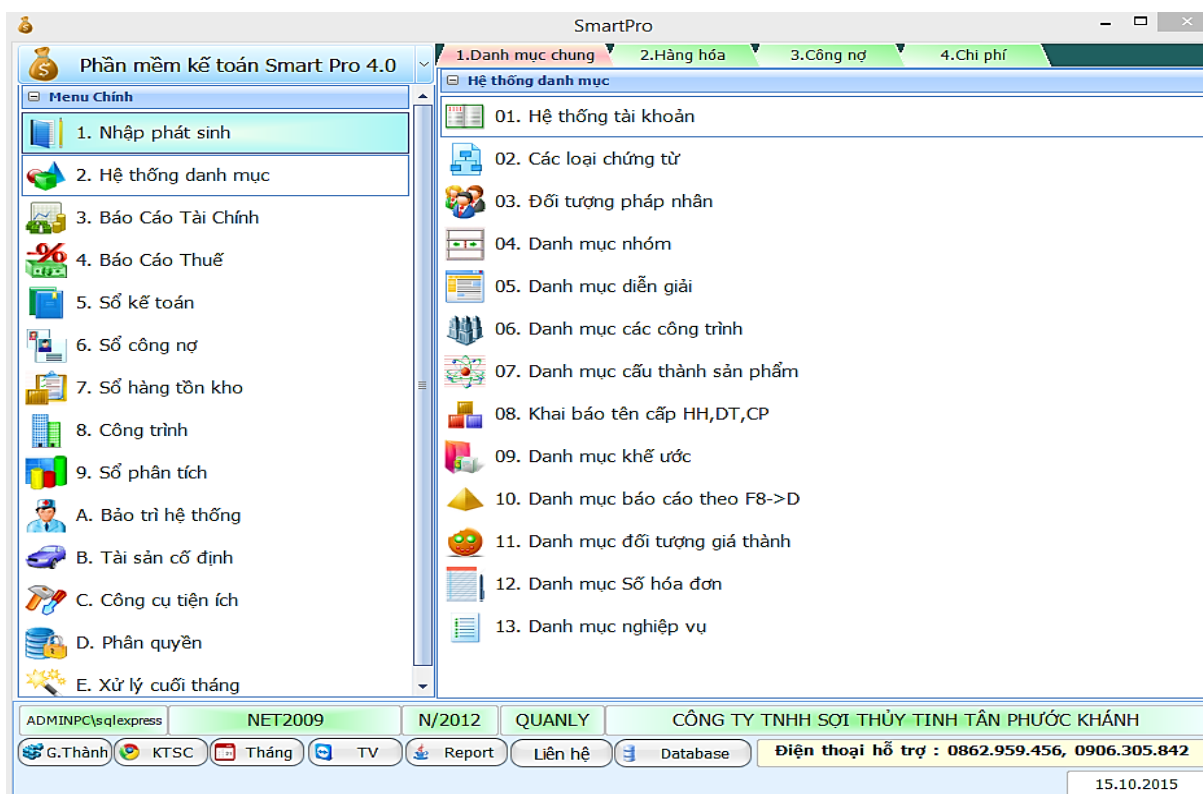
- Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh, công ty con..)

Dưới đây là hình ảnh cho phần mềm kế toán LinkQ.



***Phần mềm kế toán Smart Pro:**

- Phần mềm kế toán đơn giản, dễ sử dụng, ít thao tác.
 - Nhập dữ liệu nhanh thao tác ngắn gọn trên một màn hình nhập dữ liệu. nhập dữ liệu nhanh do áp dụng công nghệ 1 màn hình nhập liệu mà không chia theo phân hệ, dễ quản lý, bảo trì & nâng cấp cũng như chỉnh sửa theo biểu mẫu báo cáo mới của Bộ Tài Chính
- Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, xử lý nhanh, ít tốn tài nguyên máy.



Với quy mô của Công ty TNHH Vũ Nhật Minh như hiện nay thì công ty nên sử dụng Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đây là phần mềm kế toán mới được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng hơn so với phần mềm kế toán cũ, giao diện đơn giản, dễ sử dụng và giá cả hợp lý.

KẾT LUẬN

Khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh” đã đề cập đư ợc những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản như sau:

❖ **Về mặt lý luận:** Đưa ra những vấn đề tổng quan về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo QĐ 48/2006/BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính, các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp.

❖ **Về mặt thực tiễn:**

- ✓ Phản ánh thực trạng về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh với tài liệu về các số liệu năm 2016.
- ✓ Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh:
 - Công ty nên tăng cường hình thức thanh toán không dùng tiền mặt
 - Công ty nên thực hiện kiểm kê quỹ
 - Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán

Mặc dù đã cố gắng với hết khả năng của mình, nhưng do kiến thức lý luận và thực tế hiểu biết chưa nhiều nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong được tiếp thu và xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Nguyễn Thị Hoa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)** – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
- 2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)** – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
- 3. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới** – TS. Võ Văn Nhị.
- 4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam** – NXB Lao động.
- 5. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT** – TS. Võ Văn Công.
- 6. Tài liệu tham khảo** tại Phòng kế toán Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Vũ Nhật Minh.